

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: **722** TB/VNECO-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

Mã chứng khoán: VNE

Địa chỉ trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3562.361 Fax: 0236.3562.367

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Đức Hồng - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Điện thoại: 0236.3562.361 Fax: 0236.3562.367

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 18/4/2019 tại địa chỉ website:

https://www.vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2018/BCTN_VNE_2018.pdf

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2018



MỤC LỤC

TẦM NHÌN - GIÁ TRỊ - SỨ MỆNH	2
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	3
PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	4
PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	31
PHẦN 3: BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	54
PHẦN 4: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC.	63
PHẦN 5: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	75
PHẦN 6: QUẢN TRỊ CÔNG TY	78
PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	87



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 236 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ



Trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.

With the VNECO's vision to become the leading Corporation in the fields of engineering, construction, whole set equipment supply, technology transfer and investment in the projects on power source, electrical grid for power sector, industry and infrastructure in Vietnam.



- Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- Mang điện đến mọi miền đất nước.
- Phát triển năng lượng xanh.
- Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- Nâng cao giá trị cho cổ đông.

- Developing the power sector of Vietnam together
- Bringing power to all areas nationwide
- Developing green energy
- Contributing to the national economic development
- Bringing personal development opportunities, take care of employees' spiritual and material life
- Improving values for shareholders



Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO

- Đổi mới
- Đồng đội
- Cố gắng

Giá trị văn hoá của cấp Quản lý

- Khát vọng
- Chính trực
- Trí - Tín

Cultural value of VNECO employees

- Improving
- Teamworking
- Dedicating

Cultural value of VNECO leaders

- Passion
- Integrity
- Intelligence - Trustworthiness

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG

Kính thưa Quý cổ đông!

Năm 2018 hoạt động kinh doanh Tổng Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, nhiều công trình đã trúng thầu không thể triển khai thi công được dẫn đến doanh thu không đạt kế hoạch, giá dự toán các gói thầu thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp. Trong năm 2018 Tổng Công ty còn gặp một khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán.

Từ những khó khăn trên, HĐQT và Ban điều hành đã và đang tìm mọi giải pháp khắc phục, tháo gỡ những khó khăn nhằm đưa VNECO ổn định và phát triển tốt hơn trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Nhằm phát huy và đẩy mạnh những ưu thế, thế mạnh hiện có, khắc phục những hạn chế tồn tại, Năm 2019 HĐQT và Ban điều hành tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành các vấn đề cụ thể sau:

Kiên toàn lại công tác nhân sự theo hướng tinh giản; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh;

Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm; thay đổi cơ chế quản lý theo hướng khoán gọn chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;

Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư để thúc đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng trong việc triển khai thi công các công trình;

Tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ sản xuất, nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian thi công công trình.

Để nghị Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục xem xét giám đốc thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH Xây dựng Việt Nam nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho doanh nghiệp, cổ đông và người lao động VNECO.

Ngoài ra, hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty trong những năm tới, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của VNECO trong những năm tới là đầu tư để làm chủ một số dự án nguồn điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, tham gia sâu rộng vào lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

Kính thưa Quý cổ đông, tôi tin rằng, với kinh nghiệm và truyền thống vượt khó của CBCNV Tổng Công ty, cùng sự giúp đỡ tích cực và đồng hành của Quý vị, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam sẽ sớm vượt qua khó khăn thách thức để có những bước phát triển bền vững trong những năm tới.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong tổ hợp VNECO đã nỗ lực không ngừng trong công việc. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của các đối tác, sự đồng hành và thấu hiểu và chia sẻ của Quý cổ đông. Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác, đồng hành của chúng ta ngày càng tốt đẹp.

Trân trọng!



Chủ tịch HĐQT

ĐOÀN ĐỨC HỒNG

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu	5
Quá trình hình thành phát triển	6
Thành tích đạt được	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	9
Mô hình hoạt động	20
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	22
Định hướng phát triển	24
Rủi ro	28



Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: **VNECO**

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: **904.329.530.000 đồng**

Vốn đầu tư
của chủ sở hữu: **904.329.530.000 đồng**

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

Website: vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại Thành phố Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm

Khách sạn Xanh Nha Trang, Khách sạn Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động

Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Pleiku - Phú Lâm, Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, Hà Tĩnh - Thường Tín, Nhà Bè - Ô Môn.

1988

1994

1997

1998

2001

2002

2004

Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng



Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho CTCP Khải Toàn (17,17% cổ phần) và bà Đinh Thị Bích Phượng (12,55%) Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo. Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA



Cổ hữu hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

01



Huân chương
Độc lập hạng Nhì (1994)
Second-Class Independent
Medal (1994)

01



Huân chương
Độc lập hạng Ba (1998)
Third-Class Independent
Medal (1998)

03



Huân chương
Lao động hạng Nhất
First-Class Labor Medals

16



Huân chương
Lao động hạng Nhì
Second-Class Labor Medals

42



Huân chương
Lao động hạng Ba
Third-Class Labor Medals



06 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ tặng

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng 05 cờ đơn vị xuất sắc

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng 03 cờ thi đua xuất sắc

Tổng Công ty đã được tặng hàng trăm bằng khen của UBND các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, Nam Bộ và các ban ngành Trung ương

Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Bộ trưởng Bộ tài chính và Tổng Cục Thuế khen tặng về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- 💡 Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- 💡 Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- 💡 Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- 💡 Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- 💡 Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- 💡 Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- 💡 Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- 💡 Đầu tư tài chính; Sản xuất và kinh doanh điện;
- 💡 Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- 💡 Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- 💡 Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- 💡 Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- 💡 Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- 💡 Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- 💡 Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- 💡 Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- 💡 Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua gần 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV, cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại, cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



Danh mục các công trình đã thi công

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	Đz 500 Kv Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500kV Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500kV Pleiku- Đốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152.01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23.96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vinh Tân - Sông Mây	35.2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Mây	29.57	2009-2013
15	Đz Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29.45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5.4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Mây - Tân Uyên	5.3	2015-2017
22	Đz 500kV Vinh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33.7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17.08	2016-2018
25	Đz 500kV Đấu nối NMND Thăng Long	4.37	2016-2017
26	ĐZ 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đồng Anh- Bắc Ninh 2	8.01	2016-2017
27	Đz 500kV đấu nối NMD Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện Quốc gia	11.42	2018-2019

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (kM/kVA)	Năm hoàn thành
II	Đường dây 220kV		
1	ĐZ 220kV Vinh – Đồng Hới	214	
2	ĐZ 220kV Quy Nhơn – Pleiku	76	
3	ĐZ 220kV Pleiku – KrôngBúk	102.4	
4	ĐZ 220kV KrôngBúk – Nha Trang	147	
5	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Hoà Khánh	13.3	
6	ĐZ 220kV Hàm Thuận – Bảo Lộc	28	
7	ĐZ 220kV Ninh Bình – Thanh Hoá	28.415	
8	ĐZ 220kV Hoà Khánh – Huế	82.17	
9	ĐZ 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7.34	
10	ĐZ 220kV Rạch Giá – Bạc Liêu	50	
11	ĐZ 220kV Đa Nhim – Nha Trang	113.33	
12	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Dốc Sỏi	104.6	
13	ĐZ 220kV Đa Nhim – Long Bình	6.44	
14	ĐZ 220kV Cà Mau – Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	ĐZ 220kV Thốt Nốt – Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức – Long Bình	5.232	
17	ĐZ 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang – Tuyên Quang	35	
18	ĐZ 220kV Tuyên Quang – Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38.82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29.41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35.46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46.85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32.76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45.7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mỹ	8.2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Văn Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng Áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25,776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lò 8.1	33,988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lò 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hải Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15,394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiền Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	22,1	2018-2019
III Đường dây dưới 220kV			
1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
5	ĐDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây	38,226	2016-2019
6	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019
7	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân đoạn từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
8	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức	8,763	2017-2018
9	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí	14,3	2017-2018
10	Đấu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
11	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phổ-Tam Quan	28,02	2018-2018
12	Cải tạo khả năng truyền tải đường dây 110kV Nha Trang Ninh Hòa	34,076	2018-2018
13	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
14	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lò 172 TBA 220kV Ninh	10,7	2016-2017

Bình-Trình Xuyên

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (km/kVA)	Năm hoàn thành
IV	Trạm biến áp 220kV		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đấu nối	250MVA	
14	Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ	250MVA	
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phò	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25	

TT	Tên Công trình	Chiều dài/ công suất (KM/kVA)	Năm hoàn thành
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đốc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	2016-2017
V	Các công trình thủy điện		
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2013-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		

Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.



Dịch vụ du lịch và Bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đã đạt được những thành công nhất định, mang lại nguồn thu lớn đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

VNECO hiện đang sở hữu và khai thác khách sạn Xanh Đà Nẵng



Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh,
Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Fax: (84)236 3842058

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái – Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung

tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bana Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

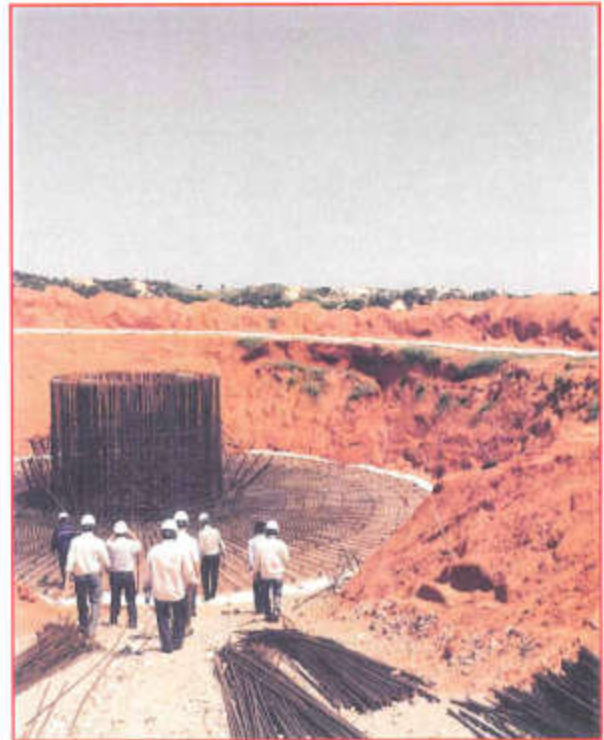
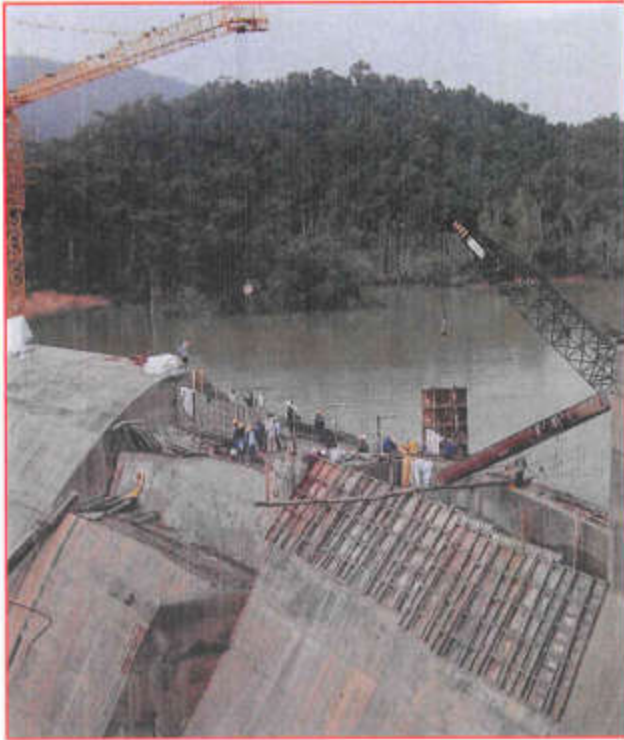
Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ : 3 lô)



Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hối xuân, nhà máy thủy điện K'rong H'năng, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước: các công trình xây lắp điện khu vực phía Nam (đường dây 500kV Long Phú-Ồ Môn, đường dây 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa, đường dây 500kV Sông Mỹ-Tân Uyên, đường dây 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mỹ - Tân Uyên, trạm biến áp 500kV Tân Uyên, trạm biến áp 500kV Đức Hòa...); các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên (đường dây 500kV Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi, trạm biến áp 220kV Phù Mỹ, đường dây 200kV Di Linh-Bảo Lộc, đường dây đấu nối 110kV Nha Trang - Ninh Hoà, đường dây đấu nối 110kV Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan...); các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2, đường dây 500kV Nghi Sơn 2, đường dây 110kV Hà Đông-Sơn Tây, đường dây 110kV Tĩnh Gia 2..., cải tạo đường dây 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông).

23 công trình đường dây 500kV
với tổng chiều dài **1500km**

42 công trình đường dây 220kV
với tổng chiều dài **1800km**

1.578km tổng chiều dài đường dây 110kV

4.400km tổng chiều dài đường dây 35kV, 22kV

Đã tham gia xây dựng:

03 trạm biến áp 500kV
với dung lượng từ 300MVA đến 450MVA,

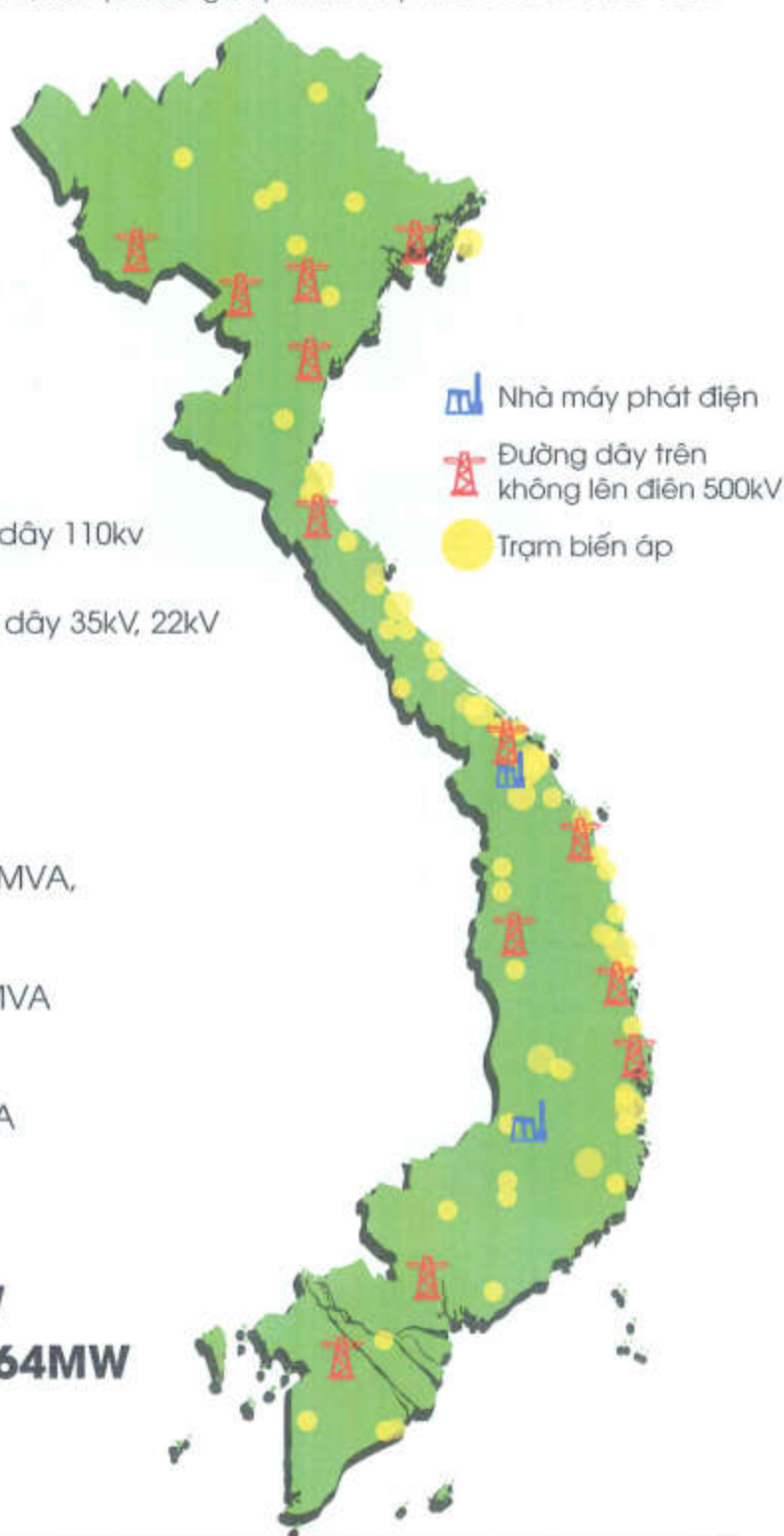
12 trạm biến áp 220kV
với dung lượng từ 63MVA đến 125MVA

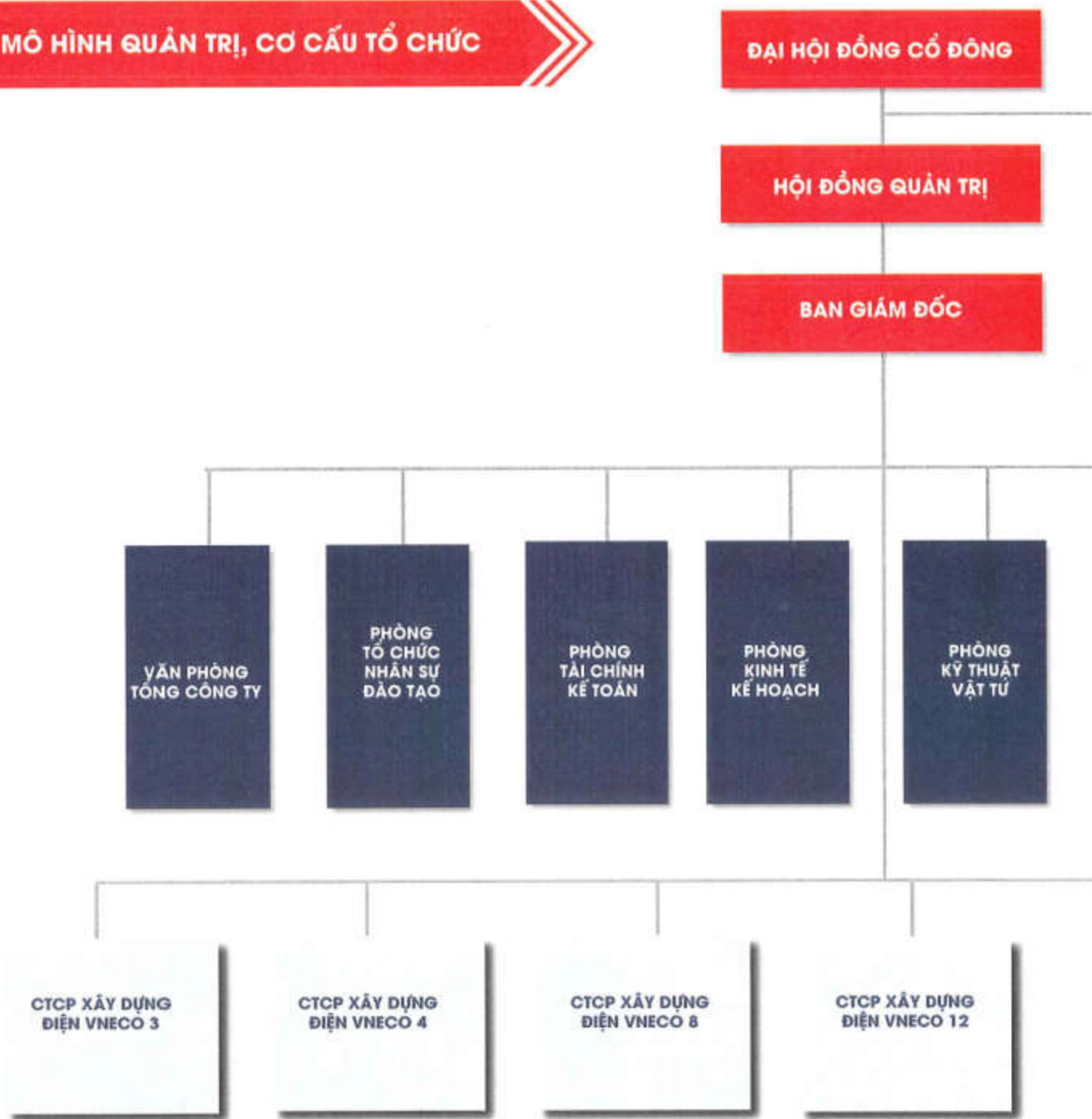
41 trạm biến áp 110kV
với dung lượng từ 5MVA đến 50MVA

Xây dựng 02 nhà máy thủy điện:

Khe Diên với công suất **9MW**

Krong Hnang với công suất **64MW**





Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

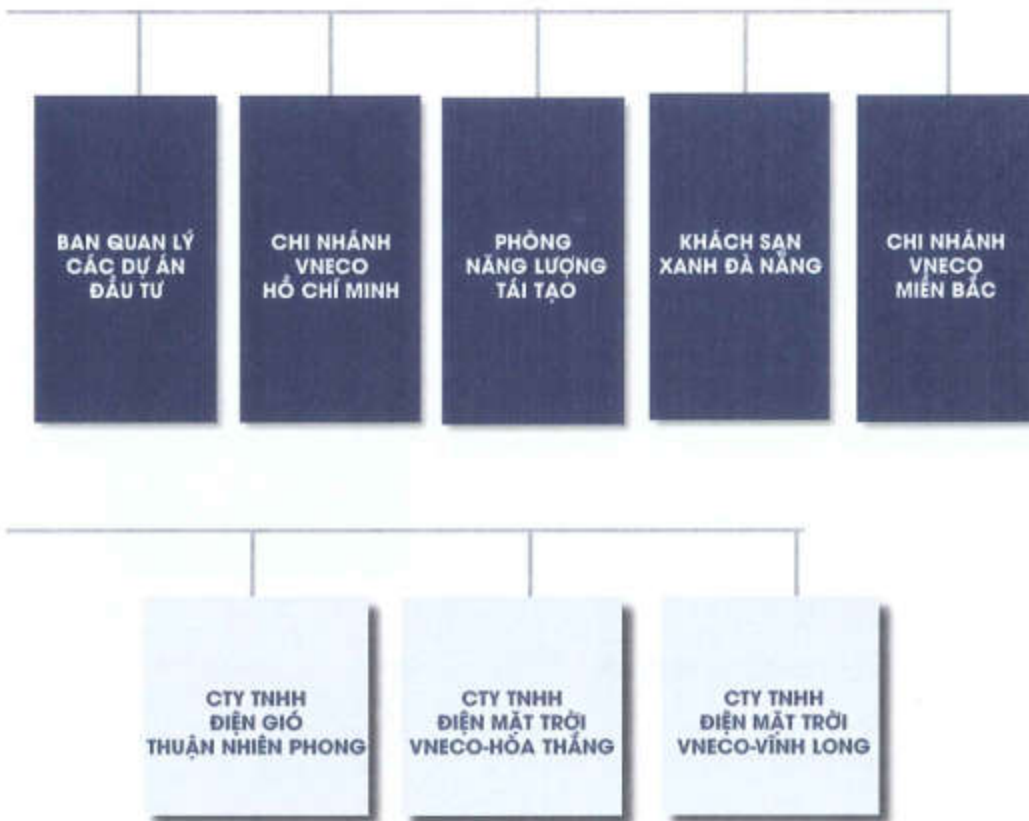
Hội đồng quản trị (HDQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, Báo cáo trước ĐHCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.

BAN KIỂM SOÁT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: gồm 6 thành viên
- Ban kiểm soát: 02 thành viên, 01 thành viên chuyên trách
- Ban Điều hành: 08 thành viên, gồm 01 Tổng giám đốc, 06 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng



Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 07 thành viên (01 Tổng giám đốc, 05 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đầu thầu và phụ trách công tác tài chính.

CƠ CẤU TỔ CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh: Số nhà 28/1/10, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh miền Bắc: 2A2 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Thực hiện Nghị quyết số 15 NQ/VNECO-HDQT ngày 20/4/2018 của HĐQT Tổng Công ty về việc thoái toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam đầu tư tại Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế - VNECO. Kể từ ngày 18/6/2018, Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế - VNECO không còn là Công ty con của Tổng Công ty.

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ

Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Vốn điều lệ: 18.000.100.000đ

Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN - DU LỊCH VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ: 100.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ: 2.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận
Vốn điều lệ: 200.000.000.000đ



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - VINH LONG

Số 174 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Vốn điều lệ: 100.000.000.000đ



CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	32,37%
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	9.560.000.000	33,34%
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	30,05%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

1. Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...

2. Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3. Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

4. Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

5. Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

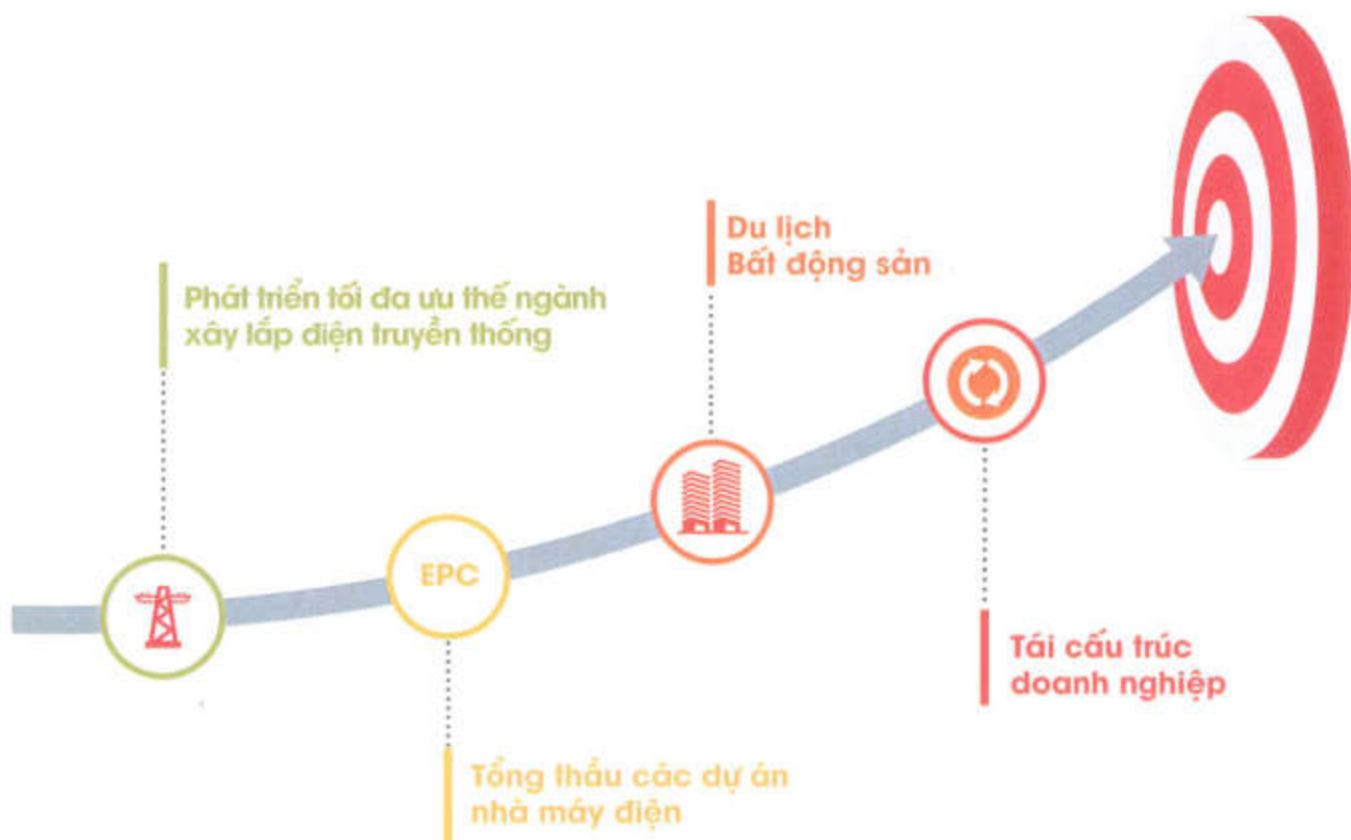
Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo Ban chỉ đạo từng vùng miền. Nghiên cứu đào tạo để cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm thêm công tác chỉ đạo thực hiện công tác đền bù thi công.

Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

Lĩnh vực dịch vụ du lịch, bất động sản: Khai thác tối đa hiệu quả của các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch hiện có. Phát triển và khai thác các dự án bất động sản; Đầu tư tài chính.

Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)

Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết làm ăn không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- 📍 Nguồn nhân lực: Bố trí 2 Phó tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật điện, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- 📍 Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- 📍 Tổ chức thành lập công ty theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- 📍 Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC cung cấp và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời. Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.

Mục tiêu phát triển bền vững

- 📍 Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng, qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- 📍 Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- 📍 Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- 📍 Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- 📍 Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- 📍 Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- 📍 Cải tiến quy trình hoạt động.
- 📍 Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV.
- 📍 Tiếp tục đồng hành cùng các cơ quan Đảng, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên tại địa phương thực hiện các chương trình cộng đồng về chăm sóc bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ đồng bào lũ lụt,

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trách nhiệm cộng đồng

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế năm 2018 kết thúc với nhiều điểm sáng khi hầu hết các chỉ tiêu kinh tế được công bố đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt.

- Tăng trưởng GDP:** Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2018 là 7,08%, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong gần 10 năm qua. Kể từ năm 2008, sau khi Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tăng trưởng GDP của Việt Nam mới lại chạm ngưỡng 7%, cho thấy nền kinh tế đã từng bước hồi phục vững chắc hơn. Tuy nhiên trong bối cảnh trong nước và thế giới nhiều biến động, thử thách, các chuyên gia, tổ chức quốc tế đã có những lo lắng cho việc đảm bảo mức tăng trưởng dự báo của Việt Nam. Điều đáng ghi nhận là, dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng đảm bảo mục tiêu kiểm soát dưới 4%, nợ công giảm so với năm 2017... Điều đó cho thấy Chính phủ không chỉ tập trung cho con số tăng trưởng mà còn chú trọng vào chất lượng tăng trưởng, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.
- Lạm phát:** CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2018 dưới mục tiêu 4% Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.
- Dự trữ ngoại hối quốc gia** đã tăng kỷ lục trong năm 2018, đạt 60 tỷ USD, góp phần ổn định sự tăng trưởng kinh tế.
- Tỷ giá:** chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.
- Thâm hụt cán cân thương mại:** cán cân thương mại hàng hóa năm 2018 thặng dư 7,21 tỷ USD, cao hơn 5,1 tỷ USD mức thặng dư năm 2017. Tổng trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 482,23 tỷ USD tăng 12,6% so với năm 2017) trong đó, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt 244,72 tỷ USD, tăng 13,8% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 237,51 tỷ USD, tăng 11,5%).
- Lãi suất thị trường năm 2018:** mặt bằng lãi suất của tổ chức tín dụng năm 2018 về cơ bản ổn định với lãi suất cho vay khoảng 6-9%/năm với ngắn hạn, 9-11%/năm với trung và dài hạn. Điều hành tăng trưởng phù hợp cân đối vĩ mô, đáp ứng vốn của nền kinh tế, tập trung tín dụng vào sản xuất kinh doanh, tín dụng với các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ. Tín dụng tăng 14% so với năm 2017.

Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đầu tư nguồn điện... do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của của Tổng công ty.

Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.

Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.

RỦI RO

Rủi ro về pháp lý

Là một công ty cổ phần, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác.

Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.

Một số văn bản quy phạm phát luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4790/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các DN trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.

Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro đặc thù ngành

Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,...) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...

Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...

Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.

Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.

Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.

Đồng thời, nghề xây lắp điện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do làm việc trên cao có thể xảy ra tai nạn lao động. Đây cũng là một trong những rủi ro quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng lao động trong ngành xây lắp điện.

RỦI RO

Rủi ro thanh toán

Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Rủi ro về môi trường

Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường xung quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro về khác

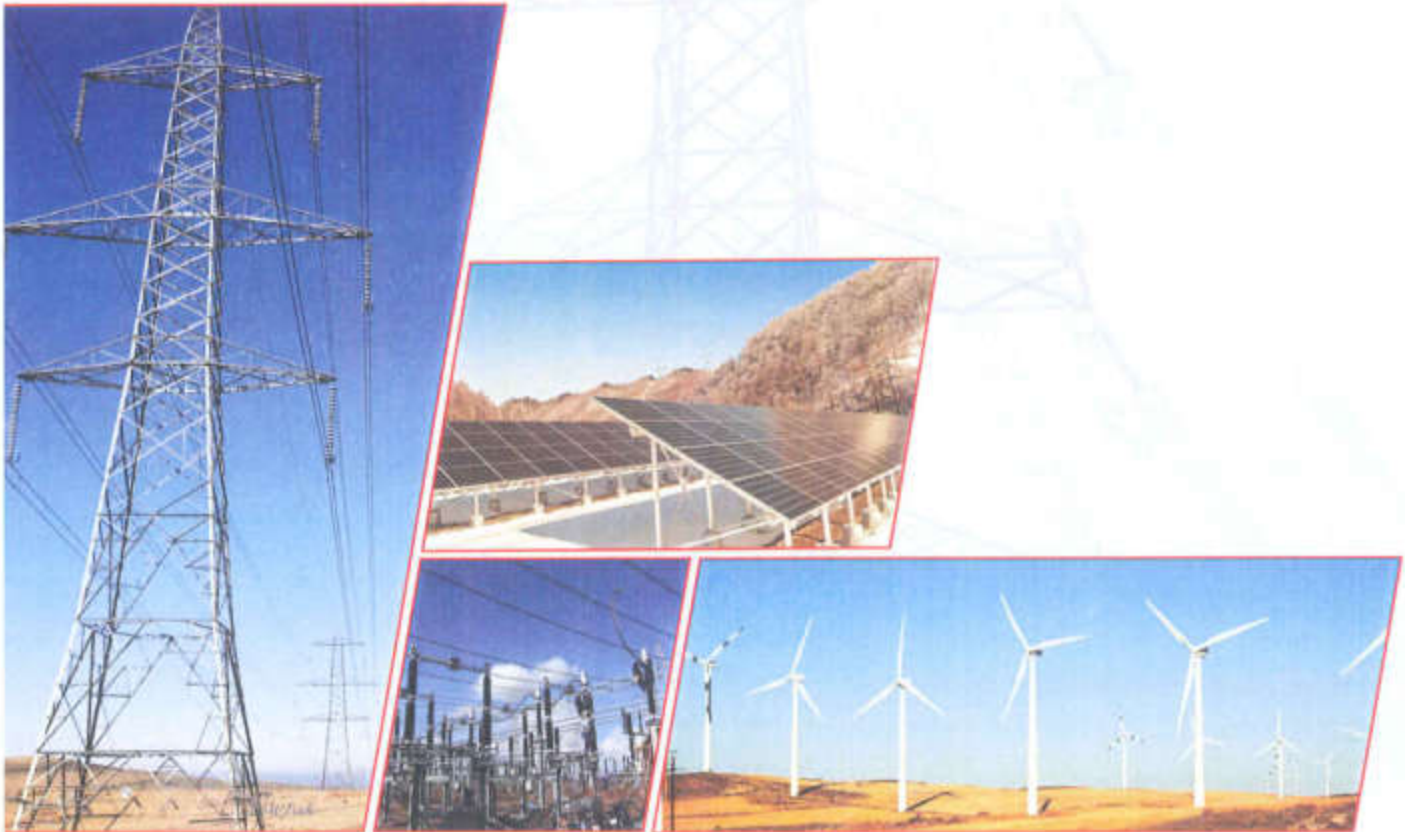
Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động,...

PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh	32
Tổ chức nhận sự	36
Hoạt động đầu tư	44
Tình hình tài chính	50
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu	52



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

VNECO là một trong những đơn vị hàng đầu và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có thể thi công đường dây 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-70% tổng doanh thu Tổng Công ty.

Đvt: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	2016	2017	2018
1	Doanh thu thuần	774.182	908.897	741.772
2	Tăng trưởng DTT	-25,81%	17,40%	-18,38%
3	LNTT	10.205	97.541	75.604
4	Tăng trưởng LNTT	-92,09%	855,82%	-22,59%
5	LNST	5.480	65.817	83.025
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	-94,86%	1101,04%	26,15%
7	LNST Công ty mẹ	10.082	63.493	84.428
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	-90,21%	529,77%	32,97%

Năm 2016: Kết quả kinh doanh giảm sút mạnh theo xu hướng chung toàn ngành. Nguyên nhân do các yếu tố khó khăn mang tính khách quan của ngành như tình hình thời tiết, tốc độ giải ngân vốn, tình hình thực hiện đền bù,... Bên cạnh đó còn có nguyên nhân từ sự thay đổi thành viên HĐQT và Ban điều hành dẫn đến sự điều chỉnh trong công tác quản lý ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh Tổng Công ty.

Doanh thu xây lắp có sự giảm sút từ năm 2014 đến 2016 theo biến động chung của ngành, bù lại Tổng Công ty tập trung tái cơ cấu tài sản ngoài ngành và tăng đóng góp của doanh thu Bất động sản. Đồng thời định hướng trong tương lai sẽ tăng tỷ trọng đóng góp của doanh thu từ các dự án năng lượng tái tạo.

Năm 2017: Với nhiều thay đổi tích cực trong công tác quản lý và tìm kiếm việc làm, kết quả kinh doanh năm 2017 đã khởi sắc với nhiều chỉ tiêu tăng trưởng mạnh so với năm 2016:

Doanh thu thuần đạt 908,9 tỷ đồng, tăng trưởng 17,4% so với năm 2016 (riêng doanh thu chuyển nhượng khu đất dự án Sơn Trà VNECO-PLAZA đạt 205,95 tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 65,8 tỷ đồng, tăng gấp 11 lần so với năm trước.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018: Doanh thu thuần đạt 741.772 triệu đồng, sụt giảm so với năm 2017 là 18,38%, do các nguyên nhân sau:

- Các chủ đầu tư EVN, NPT triển khai các dự án theo hướng phân chia ngày nhỏ các qui mô gói thầu nên có sự cạnh tranh gay gắt trong công tác đấu thầu, firm kiếm việc làm;
- Đơn giá xây dựng cơ bản có sự điều chỉnh, các dự án có cùng quy mô công trình có tổng dự toán được phê duyệt giảm 20-30% so với trước đây làm ảnh hưởng doanh thu, hiệu quả Tổng Công ty;
- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn và có xu hướng ngày càng tăng, công tác bàn giao mặt bằng thi công của Chủ đầu tư chậm, vật tư Chủ đầu tư cấp chậm, không đồng bộ, phụ thuộc vào lịch cắt điện (như Đz và TBA 110kV Tỉnh Gia, Đz 500kV đấu nối Nghi Sơn (A cấp stub bar chậm), TBA 500kV Đức Hòa, TBA 500kV Tân Uyên, Đz 500kV Mỹ Tho Đức Hòa, Đz 500kV Sông Mây-Tân Uyên (phụ thuộc lịch cắt điện) làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình và thực hiện doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2018;
- Một khác các dự án bị trượt so với kế hoạch ban đầu; các thủ tục triển khai của Chủ đầu tư chậm nên việc thi công Đz 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi đã ảnh hưởng đến một phần doanh thu 2018;

Nhưng bù lại trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện tái cấu trúc tài sản thành công từ việc chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO nên doanh thu hoạt động tài chính từ chênh lệch giữa giá phí thoái vốn và giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ khi thực hiện thoái vốn trên BCTC hợp nhất là 169.859 triệu đồng đã góp phần làm doanh thu hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm 2017; Đồng thời điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lãi 11.787 triệu đồng để tăng lợi nhuận hợp nhất trong năm 2018 do trước đây Công ty mẹ trích lập dự phòng vào Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO.

Mặt khác, doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản cũng góp phần hỗ trợ trong cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty.

Vì vậy, mặc dù năm 2018, doanh thu sụt giảm hơn năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 32,97% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng Công ty cũng định hướng trong tương lai sẽ tăng tỷ trọng đóng góp của doanh thu từ các dự án năng lượng tái tạo.



Biến động chi phí

TT	CHỈ TIÊU	2016	2017	2018
1	Giá vốn/DTT	84,92%	76,73%	93,07%
2	Chi phí quản lý/DTT	9,07%	12,73%	10,40%
3	Chi phí tài chính/DTT	4,31%	1,55%	2,84%
4	Chi phí khác/DTT	2,42%	1,03%	2,79%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng cải thiện nhiều trong năm 2018. Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4790/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh. Biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản cao do quỹ đất của Tổng Công ty được mua từ sớm với chi phí giá vốn thấp dẫn đến biên lợi nhuận chung của công ty tăng so với các năm trước.

Trong năm 2018 do một số dự án năng lượng tái tạo được nghiên cứu đầu tư trong năm nhưng chưa đi vào khai thác nên không có doanh thu tương ứng. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đầu tư công tác đào tạo cán bộ cấp cao, thay đổi phương pháp quản lý hiện đại, quyết tâm thực hiện tái cơ cấu bộ máy nhân sự và tiết giảm chi phí nên chi phí quản lý năm 2018 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2017.



Các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Vĩ mô

Tình hình kinh tế xã hội phát triển ổn định, GDP tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các dự án ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng công ty tham gia.

Chính sách của nhà nước thay đổi về khai thác cát làm cho giá cát xây dựng tăng đột biến, ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018.

Yếu tố ngành

Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện Tổng Công ty tham gia và trúng thầu nhiều dự án.

Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.

Các dự án chậm triển khai do ảnh hưởng về giá dự toán, dẫn đến doanh thu của các công trình trúng thầu trong năm 2018 giảm mạnh.

Công tác thi công phụ thuộc vào chất điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Tình hình giá cát biến động tăng đột biến làm cho một số dự án dừng triển khai hoặc phải thay đổi phương án ảnh hưởng đến Doanh thu và lợi nhuận Tổng Công ty trong năm qua.

Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cấp ngầm...

Nội tại doanh nghiệp

Là doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm đáp ứng hầu hết các công trình xây lắp.

Đối với các dự án PC, EPC, cải tạo năng lực kinh nghiệm còn hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đấu thầu, doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty.

Lực lượng lao động lành nghề tại các công ty con hiện còn khá mỏng.

Tích cực đầu tư vào các dự án điện gió và năng lượng mặt trời.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ban điều hành	Chức vụ
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo
Ông Trần Văn Huy	Phó TGD kiêm Trưởng ban đấu thầu
Ông Phan Anh Quang	Phó TGD phụ trách tài chính
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó TGD kiêm Trưởng BCD miền Bắc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo
Ông Lê Văn Khôi	Phó TGD kiêm Trưởng BCD miền Nam
Ông Trần Quang Cần	Kế toán trưởng



Sơ yếu lý lịch ban điều hành



Ông ĐOÀN ĐỨC HỒNG
Tổng Giám đốc VNECO

2015 - 2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
07/2016- 03/2017	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
03/2017 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
01/02/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 04/09/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 228.800 cổ phần - tỷ lệ 0,253% vốn điều lệ

1997 - 2002	Là Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
2002- 2005	Là Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
2005 - 2006	Là Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2006 - 2006	Là Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2006 - 2017	Là Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
09/2017 đến nay	Là Thành viên HĐQT, kiêm phó tổng giám đốc phụ trách tài chính

Năm sinh: 10/06/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 1.430.000 cổ phần - tỷ lệ 1,581% vốn điều lệ

1986 - 1988	Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng
1988 - 1990	Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1991 - 1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1998 - 1998	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
1998 - 1999	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
1999 - 2002	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2005	Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp
2005 - 2015	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông PHAN ANH QUANG
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGÔ VĂN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 30/05/1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hệ thống điện

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

- 08/1997 - 06/1999 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 07/1999 - 11/2002 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 06/2016 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 06/2016 - 31/01/2018 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/02/2018 - nay Phó TGD phụ trách phát triển năng lượng tái tạo Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

- 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
- 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
- 9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3
- 10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
- 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 188.591 cổ phần - tỷ lệ 0,209% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 - 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 - 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/04/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0,036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông NGUYỄN TỊNH
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 05/05/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0,189% vốn điều lệ

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 - 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 - 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 300.000 cổ phần - tỷ lệ 0,332% vốn điều lệ

- Từ 2000- 2005 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3
- Từ 2005- 2006 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- Từ 2006- 10/2016 Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 11/2016- 7/2017 Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2017 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam kiêm Kế toán trưởng



Ông TRẦN QUANG CẢN
Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thời gian
1	Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2018
2	Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2018
3	Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2018

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 145 nhân viên làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

PHÂN LOẠI NHÂN VIÊN THEO TRÌNH ĐỘ



PHÂN LOẠI THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Theo đó, giờ làm việc được qui định 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn từ các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.



Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại các trường đại học.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Tổng Công ty tổ chức hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao trong cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.



2.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: 925 lô đất nhà phố, 73 lô đất biệt thự, 03 lô đất thương mại dịch vụ

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Thời gian: từ 2007 đến 2017

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m², bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện.

Trong năm 2018, VNECO đã thực hiện chuyển nhượng 194 lô đất và nhà thô trên đất theo hình thức hợp tác đầu tư cho các đối tác, với tổng diện tích đất được chuyển nhượng là 21.929,4 m² và doanh thu chuyển nhượng là 152.046 triệu đồng.



2.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong

Trạm biến áp 22/110kV Thuận Nhiên Phong: Đang xây dựng dở dang: Hàng rào, nhà điều khiển, móng máy biến áp, móng trụ đỡ thiết bị, trụ đỡ thiết bị, hệ thống mương cáp, đường giao thông nội bộ, hệ thống tiếp địa trạm.

- Đường dây 110kV Thuận Nhiên Phong – Mũi Né: Đúc móng, dựng cột, từ VT 01 - 88, kéo dây xong 15,784 km; Từ VT 89-100 đã đào, đúc xong móng 12 vị trí; VT 105 đã đào móng xong. Đang phối hợp với Công ty điện gió Đại Phong để điều chỉnh đoạn tuyến đi qua Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn và đoạn cuối vào TBA 110kV Mũi Né.

- Ngăn xuất tuyến 110kV tại TBA Mũi Né: Đang xây dựng hàng rào mở rộng, đào đúc móng trụ đỡ thiết bị, hệ thống mương cáp, lắp đặt trụ đỡ thiết bị.

- Móng turbine: Đào đúc xong móng turbine 8 VT (chưa lắp móng). Số 2, 3, 5-10, đã đào móng, đúc lót và đang lắp đặt cốt thép móng số 1, đào móng dở dang số 4.

- Đường giao thông đến các vị trí turbine: Đã mở đường tạm thi công vào các vị trí từ số 1 - 10.

- Xây dựng nhà điều hành: Thực hiện xây tường, đổ bê tông sàn mái xong, thuê tư vấn thiết kế điều chỉnh

- Ngày 11 tháng 12 năm 2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận tổ chức cuộc họp nghe báo cáo về dự án, căn cứ theo tình hình thực tế của dự đã triển khai được và các vướng mắc về công tác bồi thường, Sở đang dự thảo văn bản trình UBND tỉnh Bình Thuận cho phép giãn tiến độ đến tháng 6 năm 2020.



2.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận

Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.

Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.

Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.



Dự án điện mặt trời tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

Quyết định số 1222/QĐ-BCT ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long vào Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035.

Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Vĩnh Long đến 2020, tầm nhìn đến 2030.

Quyết định chủ trương đầu tư số 776/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long chấp thuận Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của UBND huyện Vũng Liêm về việc thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nhà máy điện mặt trời VNECO - VĨNH LONG.

Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long thành lập Cụm công nghiệp Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Cụm công nghiệp Trung Nghĩa - Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

2.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Văn bản số 3122/EVN-KH-TTĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc chấp thuận mua điện của dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Văn bản số 2209/UBND-KTN ngày 22 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thỏa thuận vị trí TBA 110kV, hướng tuyến ĐZ đấu nối 110kV.

Quyết định số 18/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Quyết định số 19/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Quyết định số 20/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: Thiết kế, cung cấp, xây dựng, lắp đặt, thử nghiệm, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ và chuẩn bị sản xuất (EPC) thuộc dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long.

Văn bản số 881/SGTVT-QLKCHTGT ngày 2 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long về việc chấp thuận đấu nối vào DDT907 tại Km 42+500.

Văn bản Thỏa thuận đấu nối vào lưới điện 110kV quốc gia của Nhà máy điện mặt trời VNECO - VĨNH LONG giữa Tổng công ty điện lực miền Nam và Công ty TNHH MTV điện mặt trời VNECO-Vĩnh Long, số 08/2018/EVN-SPC-SOLARVNECO ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Văn bản số 1550/ĐL-NLT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Cục điện lực và năng lượng tái tạo - Bộ Công thương về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhà máy điện mặt trời VNECO - VĨNH LONG.

Quyết định số 5964/QĐ-UBND huyện Vũng Liêm ngày 24/10/2018 Phê duyệt phương án bồi thường cho dự án.

Công tác phát hành hồ sơ mời thầu và xét thầu hồ sơ kỹ thuật của gói thầu EPC nhà máy điện mặt trời đã thực xong, kết quả có 6 Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, trong đó 2 nhà thầu vi phạm hồ sơ dự thầu và 4 Nhà thầu không đạt yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.

Ngày 1 tháng 11 năm 2018 UBND huyện Vũng Liêm báo cáo về việc công bố quyết định phương án và kết quả đăng ký nhận tiền của hộ dân bị ảnh hưởng công trình Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long tại xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, chỉ có 20% hộ dân đồng ý nhận tiền theo phương án.

Dự án đang tạm dừng chờ UBND huyện vận động người dân thực hiện phương án bồi thường đã phê duyệt.

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2018: 6.985.720.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93%

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh

Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2018: 5.192.580.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2018: 9.746.980.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55,93%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2018: 7.887.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2018: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO

Địa chỉ: Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính : Xây lắp, kinh doanh Bất động sản, nhà hàng, khách sạn...

Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

8. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long

Địa chỉ: số 74 đường Võ Văn Kiệt, phường 9, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	GT vốn góp	Dự phòng đã trích 31/12/2018	Doanh thu 2018	LNST 2018
I CÔNG TY CON						
1	CTCP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		40.763	302
2	CTCP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		30.227	535
3	CTCP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	(1.283)	61.000	(4.078)
4	CTCP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		46.469	30
5	Cty TNHH MTV Bất động sản Du lịch VNECO-LIVING		0		0	(23)
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		2000		0	0
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO- Hòa Thắng		20.000		0	3
8	Công ty TNHH MTV điện mặt trời VNECO- Vĩnh Long		25.000		0	60
II CÔNG TY LIÊN KẾT						
1	CTCP xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854		30.411	215
2	CTCP xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560	(9.560)	0	0
3	CTCP xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000	(3.000)	67.102	2

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	2017	2018	TĂNG TRƯỞNG
1	Tổng tài sản	1.558.529	1.505.122	-3,43%
2	Doanh thu thuần	908.832	741.772	-18,38%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	14.446	181.333	1.153,51%
4	LN hoạt động kinh doanh	94.645	91.743	-3,07%
5	LN trước thuế hợp nhất	97.663	75.604	-22,59%
6	LN sau thuế hợp nhất	63.493	84.428	32,97%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	5%	5%	

Năm 2018, trong bối cảnh ngành Xây lắp điện còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, các chỉ tiêu kinh tế đều giảm so với cùng kỳ năm 2017, nhờ thực hiện tái cấu trúc thành công từ việc thoái vốn từ Công ty con nên doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ 2017 là 1.153,51% và Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ năm 2018 tăng 32,97% so với cùng kỳ năm 2017.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2017	2018
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,37	1,39
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,16
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	39,89	35,35
	Nợ/VCSH	%	66,36	54,68
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,59	0,48
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	33	51
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	255	235
	Kỳ phải trả bình quân	Ngày	107	143
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	6,99	11,38
	LNST/TTS	%	4,07	5,61
	LN HĐKD/DTT	%	2,52	10,41
	ROA	%	4,11	5,51
	ROE	%	6,63	8,84

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ và luôn duy trì ở mức trên 1 lần. So với cùng kỳ năm 2017, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,37 lần lên 1,39 lần. Trong năm 2018 hình kinh doanh khó khăn với giá trị xây lắp thấp, các khoản phải thu giảm hơn 16% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng công ty giảm từ 832.372 triệu đồng năm 2017 còn 739.418 triệu đồng năm 2018 (tương ứng tỷ lệ giảm 11%) trong khi đó, nợ ngắn hạn giảm gần 75.455 triệu đồng (tương ứng tỷ lệ giảm 12%) do đó kết quả hệ số thanh toán tăng so với cùng kỳ.

Cơ cấu vốn

Cùng với việc kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán, các chỉ số về đòn bẩy nợ cũng được Tổng Công ty điều tiết phù hợp với điều kiện kinh doanh hàng năm. Tổng nợ năm 2018 đạt 532.038 triệu đồng, giảm nhẹ 14% so với năm 2017. Tỷ số Nợ/Tổng tài sản năm 2018 đạt 35,35% giảm nhẹ so với mức năm 2017 và luôn duy trì trong ngưỡng an toàn và đưa chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm so với cùng kỳ năm 2017.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2018 đạt 0,48 vòng, giảm so với mức 0,59 lần năm trước do tổng tài sản bình quân giảm cùng với quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và tái cấu trúc các khoản đầu tư.

Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian tùy thuộc vào từng nguồn vốn và phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi các Doanh nghiệp trong ngành phải chủ động về nguồn vốn, đảm bảo được nguồn vốn để thanh toán.

Khả năng sinh lời

Mặc dù doanh thu năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm 2017 là 18,38%, nhưng nhờ thực hiện tái cấu trúc thành công nên lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ năm 2018 tăng trưởng hơn cùng kỳ năm 2017 là 32,97%, tăng hơn cùng kỳ năm 2016 là 737,40% và giảm hơn cùng kỳ năm 2015 là 18,05%.

Ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4790/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động tiêu cực đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp của Tổng công ty.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh bất động sản ghi nhận mức sinh lời cao với giá vốn thấp, hoạt động kinh doanh tài chính cũng tăng do thoái vốn Công ty con đã kéo theo chỉ tiêu sinh lời toàn công ty tăng mạnh so cùng kỳ.

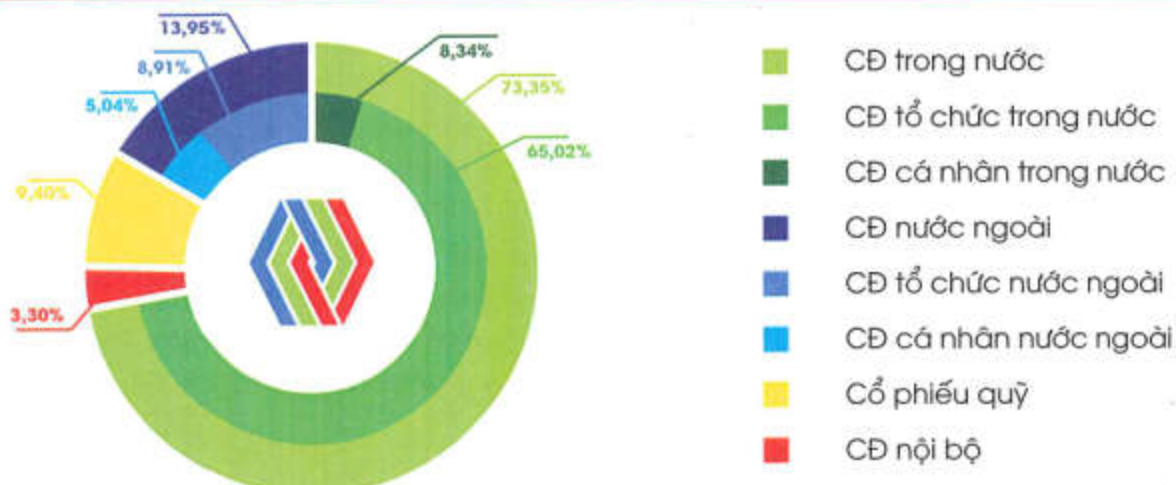
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Cổ phần phổ thông	: 90.432.953 cổ phần
Cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	: 8.498.920 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	: 81.934.033 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 90.432.953 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài	: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 30/08/2018)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	2.982.680	3,30
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	66.334.056	73,35
	Cá nhân	58.795.232	65,02
	Tổ chức	7.538.232	8,34
5	Cổ đông nước ngoài	12.617.047	13,95
	Cá nhân	4.556.085	5,04
	Tổ chức	8.060.962	8,91
	Tổng cộng	90.432.953	100



Cơ cấu cổ đông của VNECO

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 30/08/2017)

TT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	PYN Elite Fund (Nonucits)	7.625.706	8,43
2	La Mỹ Phương	4.842.970	5,36
	Tổng cộng	12.468.676	13,79

Căn cứ vào báo cáo về thay đổi sở hữu của Cổ đông lớn của Cổ đông PYN Elite Fund ngày 04/12/2018 đã báo cáo trên thị trường thì tại thời điểm lập báo cáo thường niên năm 2018, số lượng Cổ phiếu của Cổ đông PYN ELITE FUND (NON-UCITS) nắm giữ cổ phiếu VNE là 7.149.706 cổ phiếu, chiếm 7,91% vốn điều lệ.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm 2018, VNECO không phát sinh các đợt tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh

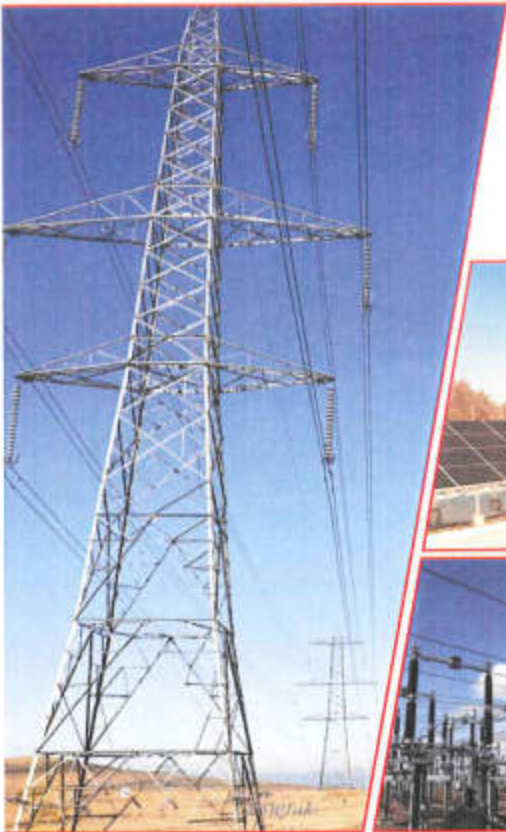
Các chứng khoán khác

Không phát sinh



PHẦN 3

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.



Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.



Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý,... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong,...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.

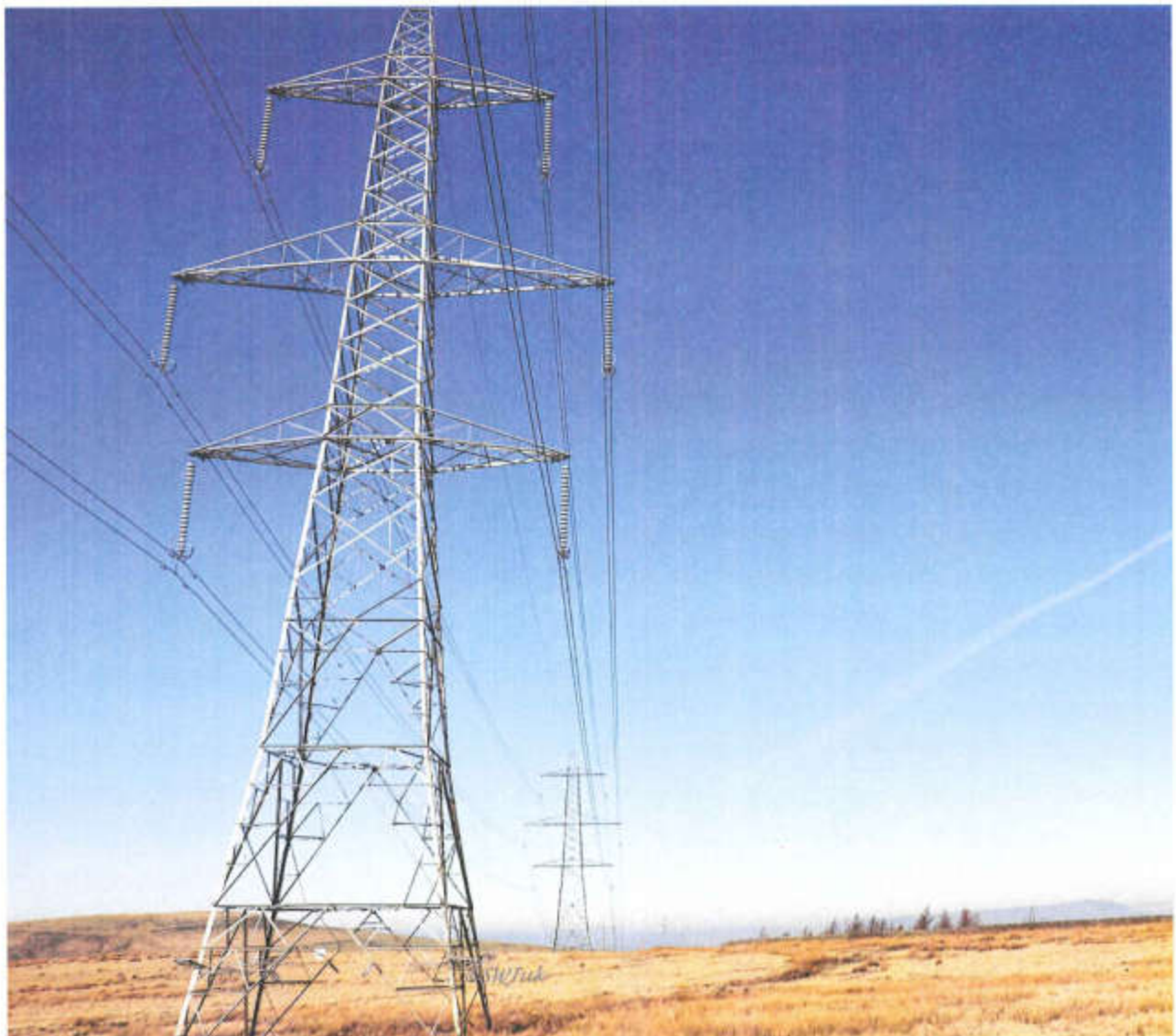


Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

VNECO luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

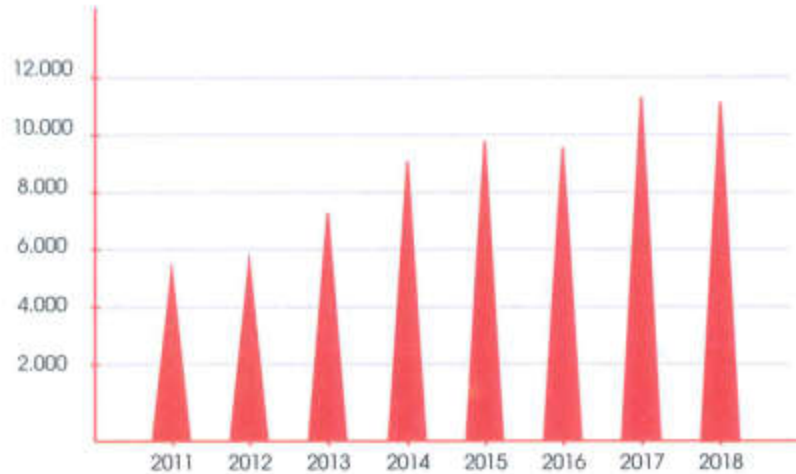
VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.



Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

Năm	Thu nhập bình quân
2011	5.681.000
2012	5.995.000
2013	7.300.000
2014	9.017.000
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000
2018	10.720.000



Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLD. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi đồng viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện,...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLD so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ông bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.



Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là "vốn quý" của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được công ty chăm chút như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV và con cái của CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác



Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Tổng Công ty định kỳ tổ chức kiểm toán nội bộ tại các đơn vị thành viên, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.



Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với 3 mục tiêu cụ thể dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; (ii) nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; (iii) nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh. Trong đó có 3 nhiệm vụ chiến lược, đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. (ii) Xanh hóa sản xuất (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN 4

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tổng quan ngành xây lắp điện	64
Đánh giá sản xuất kinh doanh	65
Tình hình tài chính	68
Cải tiến về tổ chức, chính sách và quản lý	71
Kế hoạch phát triển trong tương lai	72



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

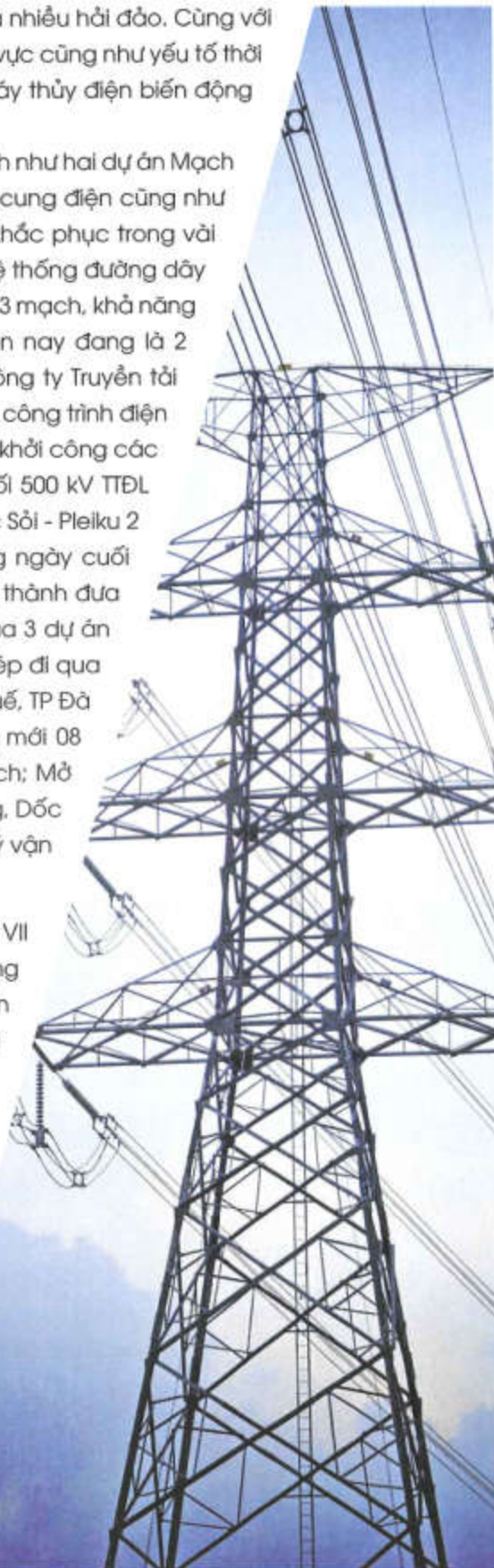
Tổng quan ngành xây lắp điện

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động làm cho việc truyền tải điện gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù hệ thống lưới điện đã được đầu tư mạnh mẽ mà điển hình như hai dự án Mạch 1 và Mạch 2 500kV Bắc-Nam, tuy nhiên việc chênh lệch nguồn cung điện cũng như nhu cầu tiêu thụ điện ở miền Nam tăng nhanh thì phương án khắc phục trong vài năm tới vẫn là truyền tải điện từ miền Bắc vào miền Nam qua hệ thống đường dây 500 kV. Hiện nay, đường dây 500kV từ Pleiku vào miền Nam đã có 3 mạch, khả năng truyền tải lên đến 4.000MW. Giữa miền Bắc và miền Trung hiện nay đang là 2 mạch. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã giao cho Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) làm chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung (CPMB) thay mặt EVNNPT quản lý dự án đã triển khai khởi công các dự án Đz 500 kV NE Quảng Trạch - Vũng Áng và sân phân phối 500 kV TTĐL Quảng Trạch; Đz 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và Đz 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 (thuộc Mạch 3 Dự án 500kV) của lưới điện Quốc gia từ những ngày cuối tháng 12 năm 2018 và dự kiến sau 20 tháng sẽ hoàn thành đưa vào vận hành vào khoảng giữa năm 2020. Quy mô tổng thể của 3 dự án bao gồm: Xây dựng mới gần 742 km đường dây 500 kV mạch kép đi qua 9 tỉnh/ thành phố (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, TP Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai); Xây dựng mới 08 ngăn lộ 500kV tại sân phân phối Trung tâm Điện lực Quảng Trạch; Mở rộng một số ngăn lộ 500kV tại các trạm biến áp 500 kV Vũng Áng, Dốc Sỏi, Pleiku 2; Xây dựng mới 03 trạm lắp quang và 03 nhà quản lý vận hành đội truyền tải điện.

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn trong giai đoạn từ 2016 đến 2030. Theo kế hoạch này, giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư lưới điện là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh mẽ hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và cung cấp vật tư chậm, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước, cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Công ty như giá cả vật tư đầu vào tăng cao; thiếu vốn đầu tư thi công, hoặc được vay trong nước nhưng lãi suất cao,... Đây là những khó khăn chung của các đơn vị ngành xây lắp điện.



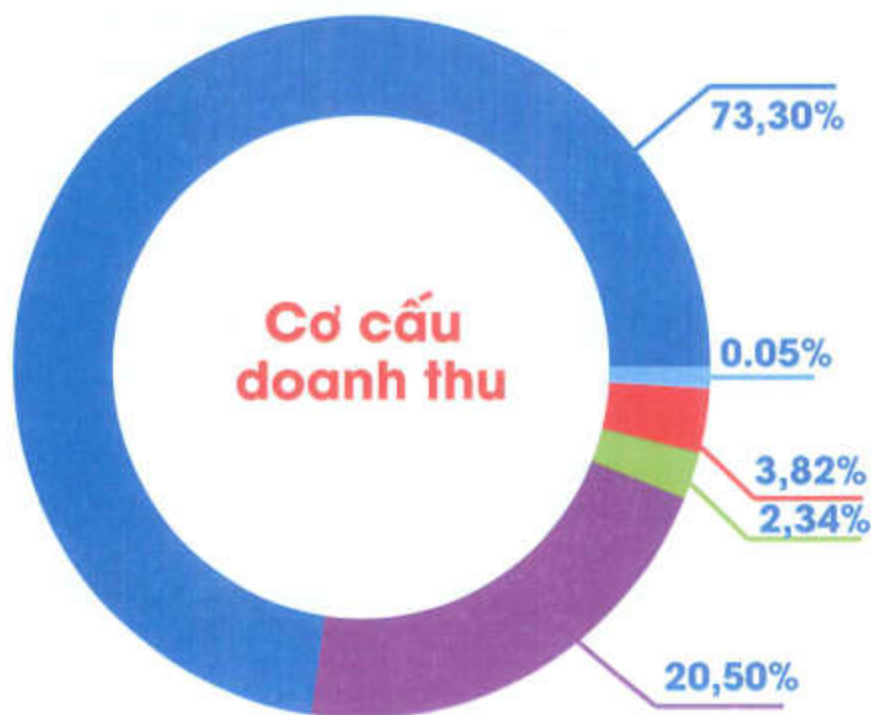
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Giai đoạn 2015-2018 chúng kiến sự thay đổi thăng trầm của VNECO trong cơ cấu nhân sự cao cấp và cổ đông lớn, do đó đã có những ảnh hưởng nhất định đến chiến lược cũng như kết quả kinh doanh Tổng Công ty dẫn đến nhiều chỉ tiêu về kinh doanh không đạt được kế hoạch.

Kết thúc năm 2018, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 723.350 triệu đồng, hoàn thành 56,06% kế hoạch năm và giảm 8,63% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 43.352 triệu đồng đạt 50,32% kế hoạch và giảm 39,46% so với cùng kỳ năm 2017.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2018	TH 2018	Tỉ lệ hoàn thành
1	Doanh thu và thu nhập	1.290.388	723.350	56,06%
4	Lợi nhuận trước thuế	107.701	46.584	43,25%
5	Lợi nhuận sau thuế	86.161	43.352	50,32%
6	Cổ tức tiền mặt	10%	5%	50%



Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2015-2018 cũng có sự chuyển dịch dẫn trong việc giảm tỷ trọng hoạt động xây lắp và tăng đóng góp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Năm 2015 doanh thu xây lắp đạt 919.088 triệu đồng, chiếm 88% tổng doanh thu, đến 2018 chỉ còn 543.689 triệu đồng, tương đương 73,30% tổng doanh thu.




- DT hoạt động xây dựng
- DT cung cấp dịch vụ
- DT bán hàng
- DT từ chuyển nhượng bất động sản
- DT Khác

Các công trình thực hiện đóng điện trong năm:

Năm 2018 là năm gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành xây lắp điện nói chung và cả Tổ hợp VNECO nói riêng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn Tổ hợp VNECO, VNECO đã thực hiện đóng điện các công trình đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư như: Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (GD 3); TBA 110kV Đông Hòa; Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc (ngày 14/6/2018); TBA Phù Mỹ (ngày 21/3/2018); Đz 110kV Ninh Hòa-Nha Trang (ngày 18/8/2018); Đấu nối 110kV Sau TBA Phong Điền (ngày 5/7/2018); Đz Quảng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan (ngày 10/12/2018); Đz 220kV Long Phú-Sóc Trăng (ngày 31/10/2018).



Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2018:

-  Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2017 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động giảm.
-  Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2018 hoạt động kinh doanh Tổng Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, nhiều công trình đã trúng thầu không thể triển khai thi công được dẫn đến doanh thu không đạt kế hoạch, giá dự toán các gói thầu thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp. Trong năm 2018 Tổng Công ty còn gặp một khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm Tp Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán
-  Ngày càng hoàn thiện và cập nhật đầy đủ thông tin thủ tục pháp lý về công tác đấu thầu.

Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố khách quan

Thủ tục trình tự và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án. Do vậy trong năm 2017 số lượng dự án triển khai đầu tư của các Ban QLDA thuộc EVN thấp hơn so với Kế hoạch đăng ký do vướng các thủ tục phê duyệt đầu tư, ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.

Giá trị dự toán bị cắt giảm khi áp dụng định mức lắp đặt đường dây do Bộ công thương và Bộ xây dựng mới ban hành theo quyết định 4970/QĐ-BCT; do vậy ảnh hưởng lớn trong công tác đấu thầu khi giá dự thầu vượt giá gói thầu dẫn đến việc đấu thầu lại nhiều lần và chậm tiến độ triển khai dự án. Về phía nhà thầu điều này ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh và tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp ngành xây lắp.

Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có dưới 5 nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có trên 10 nhà thầu đáp ứng năng lực.

Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.

Yếu tố chủ quan

Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.

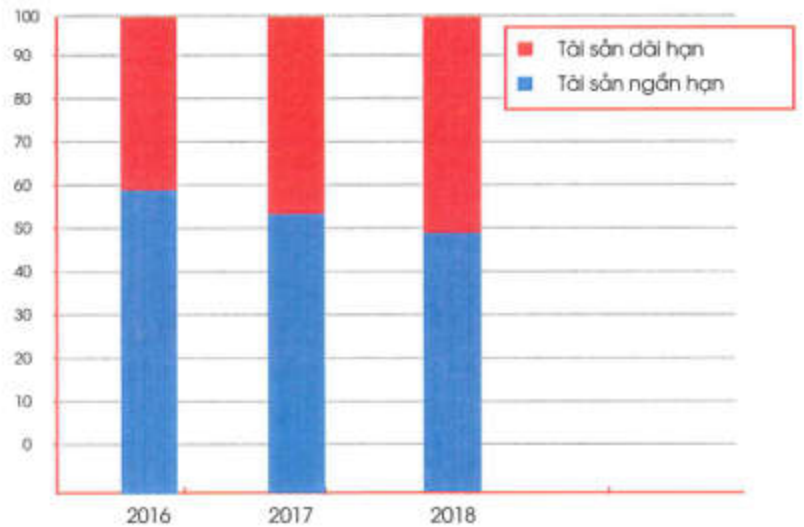
Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.

- Ngày càng hoàn thiện và cập nhật đầy đủ thông tin thủ tục pháp lý về công tác đấu thầu.

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	Thay đổi
Tổng tài sản	1.531.873	1.558.529	1.505.122	-3,43%
Tài sản ngắn hạn	911.145	832.372	739.419	-11,17%
Tài sản dài hạn	620.728	726.157	765.703	-5,43%
Nguồn vốn	1.531.873	1.558.529	1.505.122	-3,43%
Nợ ngắn hạn	535.714	605.655	530.201	-12,46%
Nợ dài hạn	18.197	16.006	1.839	-88,51%
Vốn chủ sở hữu	977.962	936.868	973.084	3,87%

Tài sản : Tổng tài sản VNECO không biến động lớn trong năm, tuy nhiên cơ cấu có sự chuyển dịch. Theo đó, tài sản ngắn hạn năm 2018 đạt 739.419 triệu đồng, giảm 11,17% so với năm 2017, chiếm 49,13% tổng tài sản, thấp hơn mức 53,41% năm 2017 và 59,48% năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu 1 phần do sự sụt giảm về doanh thu dẫn đến các khoản phải thu giảm từ 752.673 triệu đồng năm 2017 còn 519.142 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2018.



Trong năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn thành việc ra Giấy chứng nhận QSD đất và tài sản trên đất cho Tổng Công ty và Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng bất động sản đầu tư 3 căn nhà 125, 219C, 219D đường Nguyễn Đình Chính, P.8, Quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh và 1 căn nhà 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị trước thuế là 190.366 triệu đồng đã đưa tỷ trọng tài sản dài hạn đạt 50,87% tổng tài sản năm 2018.



Trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư tài chính sau:

TT	Mã CP	SL CP đã bán	Giá gốc đầu tư ban đầu	Giá bán thoái vốn	GT đã trích lập dự phòng	Chi phí tư vấn môi giới	Lãi/Lỗ
	ĐVT	cổ phiếu	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
1	VE9	274.600	2.543	2.447	(849)		753
2	SSM	277.800	5.112	3.301	(529)		(1.282)
3	Xanh Huế	20.770.000	208.494	279.349	(58.938)	31.760	98.024
Tổng cộng			216.149	285.088	(60.316)	31.760	97.495

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2016	2017	2018
1	DTT/TTS	50,54%	58,31%	49,28%
2	DTT/TSNH	84,97%	109,19%	100,32%
3	DTT/TSND	124,72%	125,16%	96,87%
4	ROA	0,59%	4,11%	5,51%

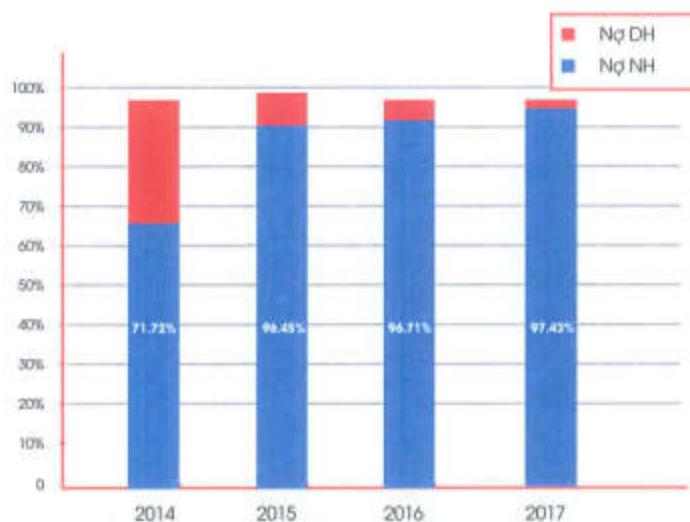
Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2016-2018 duy trì mức ổn định và an toàn với tỷ lệ nợ dưới 40% tổng nguồn vốn.

Tính đến cuối năm 2018, tổng nợ VNECO đạt 532.040 triệu đồng giảm 14,42% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 99,65%. Cơ cấu nợ ngắn hạn không có sự thay đổi lớn với tỷ trọng tập trung vào khoản phải trả ngắn hạn

(54,86%) do đặc trưng ngành nghề xây lắp. Vay ngắn hạn trong năm 2018 đạt 159.482 triệu đồng, giảm 17,04% so với năm 2017; vay dài hạn trong năm 2018 đạt 127 triệu đồng, giảm 95,77% so với năm 2017.

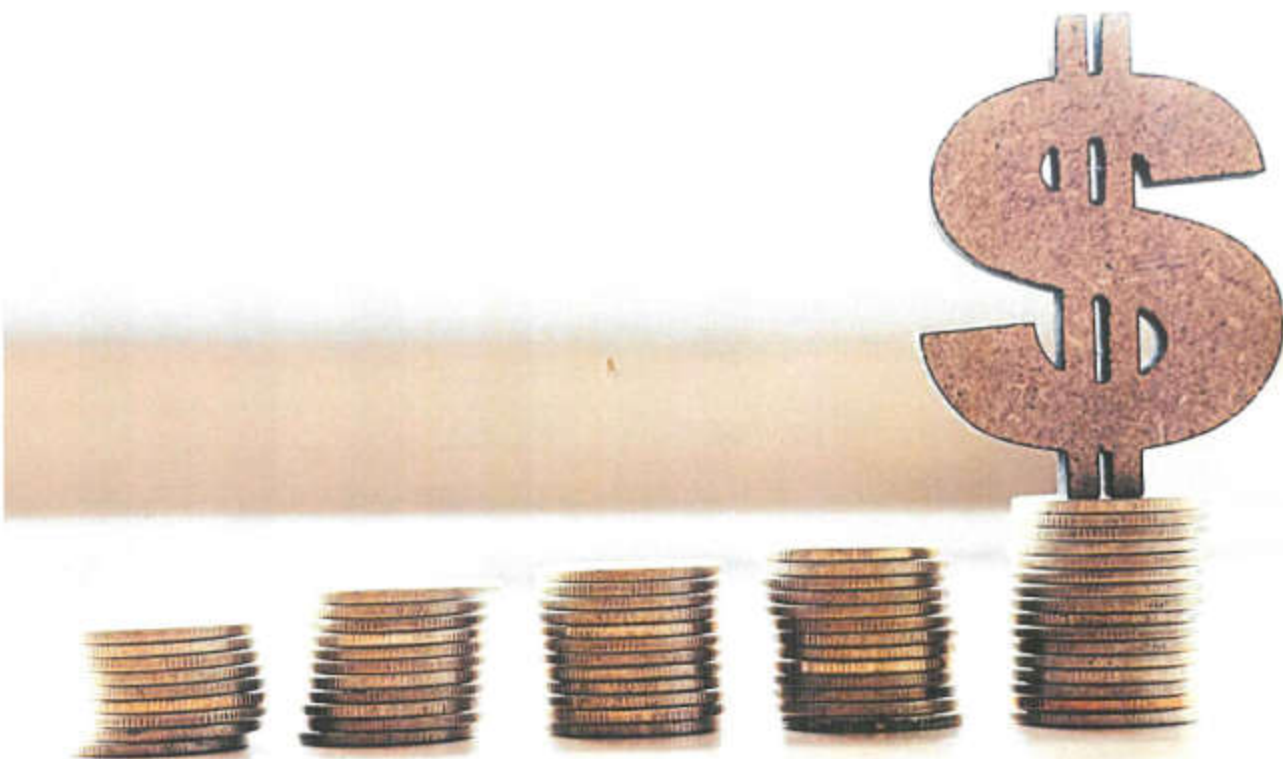
Vốn chủ sở hữu năm 2018 đạt 973.082 triệu đồng, tăng 3,87% so với cùng kỳ năm 2017.



Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: không có

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ luôn được kiểm soát mức hợp lý (dưới 50%) trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2018 đạt 159.482 triệu đồng, tương đương mức 10,59% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 127 triệu đồng, tương đương 0,008% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 10,60% tổng tài sản, mức khá thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Bên cạnh đó, với quy mô hoạt động lớn, các dự án có tính khả thi cao cùng mối quan hệ tốt với các ngân hàng trên địa bàn nên Tổng Công ty thường xuyên được hưởng các mức lãi suất ưu đãi khi có nhu cầu vay vốn. Các khoản vay của Tổng Công ty được điều chỉnh biên độ thấp và năm 2018, lãi suất thị trường tương đối ổn định.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giám công chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối nghiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác tài chính; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Mặt khác, tuy có thế mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ hạ thế đến 500 kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời tích cực nhận thi công các công trình khác... để đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV.



Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và vận hành mô hình đánh giá xếp loại CBNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động... nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	1.290.388	723.350	1.213.085	167,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	86.161	43.352	37.019	85,39%
3	Tỷ lệ cổ tức	%	10	5	10	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	904.330	904.330	904.330	100%

Kế hoạch năm 2019 sẽ được trình tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua vào cuối tháng 5/2019.

Biện pháp thực hiện kế hoạch



Về công tác điều hành hoạt động xây lắp: Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình đã có danh mục theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung, rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch mỗi kỳ 15 ngày (riêng mạch 3: 500kV là 10 ngày) và tổng kết mỗi kỳ. Nếu đơn vị nào không hoàn thành kế hoạch đã đăng ký sẽ xem xét điều chuyển khối lượng cho các đơn vị khác và làm cơ sở để giao khối các công trình sau;
- Tăng cường năng lực công tác đến bù giải phóng mặt bằng, sự phối hợp giữa Ban chỉ đạo và các đơn vị thi công để đảm bảo hiệu quả công trình;
- Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc hiện đại, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ;
- Củng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới.
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm; thay đổi cơ chế quản lý theo hướng tiết kiệm chi phí nhằm thích ứng với điều kiện cạnh tranh trên thị trường;
- Giao chỉ tiêu các ban chỉ đạo: mỗi ban phải tìm kiếm các dự án ngoài NPT là 200 tỷ đồng.
- Định hướng và xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để triển khai thi công các dự án điện mặt trời vì đây là lĩnh vực mới rất tiềm năng.
- Xây dựng lực lượng, đầu tư máy móc phục vụ thi công điện mặt trời.
- Cảnh báo sớm các công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời.
- Tập trung điều hành một số công trình trọng điểm 2019: TBA 500kV Tân Uyên, TBA 500kV Đức Hòa, Đz và TBA 110kV Tỉnh Gia.



Công tác Tài chính - Kế toán: Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2019 và các năm tiếp theo, Bao gồm:

Thực hiện quyết liệt nhanh chóng việc thu hồi vốn công trình từ các chủ đầu tư.

Giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý nhằm đủ điều kiện chuyển nhượng các dự án BĐS tại TP HCM hoặc thực hiện hoàn thành thủ tục sở hữu để có thể lập phương án kinh doanh nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho phần vốn đã đầu tư.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản, các khoản đầu tư tài chính theo phương án tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn đầu tư tại các cơ sở kinh doanh hiệu quả thấp.

Thực hiện quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát các chi phí nhằm tăng hiệu quả SXKD.

Nghiên cứu tái cấu trúc hợp lý các khoản mục đầu tư tài chính theo phương án linh hoạt thoái vốn hoặc đầu tư bổ sung vào một số đơn vị trong, ngoài tổ hợp theo định hướng phát triển trung, dài hạn và mang lại hiệu quả cho Tổng Công ty.

Xem xét lại tất cả các dự án đã và đang triển khai, các tài sản chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả trình HĐQT/ĐHĐCĐ quyết định chuyển nhượng nhằm hiện thực hóa dòng tiền để tập trung nguồn lực tài chính ưu tiên cho sự phát triển theo đúng định hướng chiến lược của Tổng Công ty trong thời gian tới. Ưu tiên nguồn lực tài chính đầu tư trang thiết bị, nhân lực nhằm từng bước tham gia sâu rộng vào các dự án năng lượng tái tạo.

Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị.

💡 Về công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình

Tiếp tục nâng cao trình độ thi công lắp đặt trạm biến áp và tìm hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công cho một số đơn vị thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm điện gió, điện mặt trời; Phổ biến/hướng dẫn cho các đơn vị nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình quản lý chất lượng. Để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng, Tổng Công ty sẽ kiên trì duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng hạng mục công việc, các Ban chỉ đạo tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ, giảm bớt những sai sót do chủ quan, không phải sửa sai nhiều làm ảnh hưởng đến tiến độ và tăng chi phí; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc công việc.

- Các Ban Chỉ đạo thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần các công trình áp dụng các công nghệ mới như ZALO, VIBER. Bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu, đến khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.

- Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động, Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công kéo dây vượt đường dây trung và hạ áp, kéo vượt sông.... Kiên quyết xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn, kiểm tra thường xuyên biện pháp thi công của đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, PATCXD, biện pháp an toàn lao động...). Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây.

- Trong năm 2019, áp dụng rộng rãi công tác kéo dây theo công nghệ mới "kéo dây không chạm đất" trong tổ hợp tại các đường dây đang thi công nhằm nâng cao chất lượng công trình, tăng năng suất, giảm thiệt hại về đền bù.



- Tăng cường công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng thời tính toán để phân bổ chính xác hợp lý một số vật tư chủ đầu tư cấp theo khối lượng công việc mà đơn vị được Tổng Công ty giao.

- Hiện nay việc thi công kéo dây giao chéo với các Đz 220kV, 110kV không cho cắt điện nên bộ phận kỹ thuật phải không ngừng xem xét, cải tiến để tham mưu các biện pháp thi công phù hợp với từng địa hình đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí.

Về công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

Kiên toàn lại công tác nhân sự theo hướng tinh giảm và tinh nhuệ; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi phương pháp điều hành sản xuất kinh doanh;

Hoàn thiện mô hình tổ chức, sửa đổi, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ phục vụ công tác chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015;

Xây dựng thang, bảng lương các vị quản lý, CBCNV, sửa đổi cơ chế trả lương để phù hợp với hoạt động Tổng Công ty và đáp ứng quy định pháp luật lao động, BHXH, thuế áp dụng từ năm 2019;

Xây dựng Quy định đánh giá kết quả công việc để làm căn cứ tính trả lương theo hiệu quả công việc. Xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch nguồn quỹ tiền lương năm 2019;

Thực hiện công tác tổ chức hoạt động, nhân sự, chế độ đối với: Chi nhánh TP HCM, Khách sạn Xanh Đà Nẵng, Chi nhánh Miền Bắc.

Phối hợp thực hiện về công tác tổ chức, nhân sự đối với các Cty TNHH MTV về mô hình tổ chức, bố trí nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động.

Phối hợp triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBNV: Đào tạo quản trị Công ty; đào tạo thi công lắp đặt thiết bị điện mặt trời; đào tạo nghề, tập huấn công tác KTAT công nhân Chi nhánh; đào tạo cấp chứng chỉ quản lý dự án hạng II; 02 người; đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: dự toán, đấu thầu, ...

Phát triển nguồn tuyển dụng, tuyển chọn đúng người, đúng cách (công cụ tuyển dụng phù hợp và tin cậy), đủ số lượng, đáp ứng kịp thời, bố trí đúng việc; Bổ sung chuyên môn kỹ thuật và lực lượng đối với Công ty TNHH MTV Điện mặt trời.

Theo dõi giải quyết chế độ CBNV đi công tác tại các Ban chỉ đạo; Giải quyết tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động (BHXH, BHTN, các chế độ khác).

 **Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có

 **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

(xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN 5
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu điện năng ngày càng gia tăng kéo theo tăng trưởng của ngành xây lắp điện trong đó có sự gia tăng trong nhu cầu lắp máy phát điện, trạm biến áp và đường dây tải điện. Để đảm bảo cho nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh năm 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn cho giai đoạn 2016-2030. Tổng mức đầu tư lưới điện giai đoạn 2016-2020 là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng, điều này hứa hẹn sẽ giúp cho ngành xây lắp điện tăng trưởng cao đến năm 2030.

Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước.

Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2018 tổ hợp VNECO đạt 741.772 triệu đồng doanh thu và 83.025 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; Công ty mẹ đạt 637.068 triệu đồng doanh thu và 43.352 triệu đồng lợi nhuận sau thuế; tất cả các chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đặt ra.

Trong năm 2018, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã song hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn chung của ngành, Ban điều hành vẫn chưa có những biện pháp ứng phó kịp thời dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 không đạt như kế hoạch.



Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Năm 2018, HĐQT đã quản lý, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:

- Công tác báo cáo kết quả SXKD năm 2017, báo cáo tài chính năm 2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018, Báo cáo thường niên năm 2017 và Báo cáo tài chính các quý của năm 2018 của Tổng Công ty;
- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2018 và công tác chuẩn bị Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty;
- Tổ chức thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung để soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty;
- Việc thực hiện phương án tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính của Tổng Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Tổng Công ty; thoái toàn bộ phần vốn đầu tư của VNECO tại Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO; việc chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018;
- Thành lập Công ty con: Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long và triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Long-VNECO;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, phương án sử dụng vốn, công tác kiểm toán và hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Hội đồng quản trị nhất trí cao về các chỉ tiêu về định hướng kinh doanh cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện khối lượng chuyển tiếp từ năm 2018 sang như: Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi, Đz 500kV Nghi Sơn, Đz 500kV Sông Mã - Tân Uyên (lô 11.2), Đz Mỹ Tho - Đức Hòa, Đz Dấu Nối TBA Đức Hòa (lô 18.1), TBA Tân Uyên, TBA Đức Hòa và Điện mặt trời Cam Lâm... với doanh thu dự kiến hơn 1.000 tỷ đồng, tạo điều kiện việc làm cho năm 2019;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty trong những năm tới, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là đầu tư để làm chủ một số dự án nguồn điện năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, tham gia sâu rộng vào lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2019, Hội đồng quản trị từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, Quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị trong công tác điều hành và giám sát nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong toàn tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty con, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.

PHẦN 6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 76

Ban kiểm soát 83

Giao dịch, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 86



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và sơ yếu lý lịch

	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
2	Ngô Văn Cường	Thành viên
3	Nguyễn Tịnh	Thành viên
4	Phan Anh Quang	Thành viên
5	Lê Mạnh Hùng	Thành viên
6	Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên
7	Trần Quang Cần	Thành viên

Ông Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

(xem mục Ban điều hành)

Ông Ngô Văn Cường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Phan Anh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

(xem mục Ban điều hành)

Ông Trần Quang Cần – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm kế toán trưởng

(xem mục Ban điều hành)





Ông Lê Mạnh Hùng
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 05/08/1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

01/2000-06/2002 Cán bộ tín dụng ngân hàng liên doanh Shinnhan Bank Hà Nội

06/2002-05/2005 Du học tại California State University

06/2005-11/2007 Trưởng phòng kinh doanh, phó giám đốc CTCP Quốc tế APEX

12/2007 - nay Trưởng phòng đầu tư, phó giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank

06/2016 - nay Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 24/04/1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế điện

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 401.280 cổ phần - tỷ lệ 0.444% vốn điều lệ

01/1983- 03/1990 Công ty xây lắp điện Nghệ Tĩnh

04/1990- 04/2003 Xí nghiệp xây dựng điện và vật tư

05/2003- 11/2004 Công ty xây lắp điện 3

12/2004- 2017 Công ty TNHH MTV xây lắp điện 3.2

8/2017 đến nay Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2

09/2017 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Là Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Đâu Thảo
Thành viên HĐQT

Tiểu ban HĐQT

HĐQT thành lập Ban tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính. Nhiệm vụ của Ban: Lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Phương án tái cấu trúc tài sản- đầu tư tài chính của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt.

Năm 2018, Ban tái cấu trúc tiếp tục triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu, tài sản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

Hoạt động của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT	25/11/2015	8/8	100%	
2	Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	25/5/2015	8/8	100%	
3	Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	25/05/2015	8/8	100%	
4	Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	03/6/2016	7/8	88%	Do bận công tác và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT
5	Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	13/06/2017	8/8	100%	
6	Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	31/07/2017	8/8	100%	
7	Nguyễn Đệ Thảo	Thành viên HĐQT	31/07/2017	8/8	100%	

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2017 của HĐQT:

STT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/QĐ/VNECO-HĐQT	19/01/2018	V/v ông Ngô Văn Cường thôi giữ Chức vụ Tổng Giám đốc (theo nguyện vọng cá nhân) để giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
2	02/QĐ/VNECO-HĐQT	19/01/2018	V/v bổ nhiệm có thời hạn ông Đoàn Đức Hồng, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	05/QĐ/VNECO-HĐQT	05/02/2018	V/v Thành lập Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO-
4	09/QĐ/VNECO-HĐQT	13/04/2018	V/v Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
5	11/QĐ/VNECO-HĐQT	16/04/2018	V/v Góp thêm vốn vào Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO (Công ty con)
6	14/QĐ/VNECO-HĐQT	20/04/2018	Cử cán bộ đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
7	15/NQ/VNECO-HĐQT	20/04/2018	Thoái toàn bộ phần vốn VNECO đầu tư tại Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO (Công ty con)
8	17/NQ/VNECO-HĐQT	15/05/2018	V/v: Thời gian họp ĐHĐCĐ và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2018
9	18/QĐ/VNECO-HĐQT	27/06/2018	V/v: Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long
10	19/QĐ/VNECO-HĐQT	27/06/2018	V/v: phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long
11	20/QĐ/VNECO-HĐQT	27/06/2018	V/v phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu EPC Nhà máy điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long
12	21/NQ/VNECO-HĐQT	27/06/2018	V/v chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung để soát xét BCTC 6 tháng và Kiểm toán BCTC năm 2018 của Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam
13	22/QĐ/VNECO-HĐQT	27/06/2018	V/v Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2018.
14	24/NQ/VNECO-HĐQT	10/08/2017	V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018, bằng tiền, tỷ lệ: 5%/mệnh giá cổ phần.

* Ghi chú: Trong quý 4/2018 HĐQT tổ chức họp ngày 12/11/2018 các nội dung họp được thống nhất tại Biên bản, không ban hành Nghị quyết.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2018, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Nguyễn Đệ Thảo (tham gia 8/8 cuộc họp) và Ông Lê Mạnh Hùng (tham gia 7/8 cuộc họp và 1 cuộc họp uỷ quyền cho Chủ tịch HĐQT).

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định; Chủ tịch HĐQT tham gia khoá đào tạo về quản trị công ty theo quy định do Deloitte tổ chức; thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

Ban kiểm soát

Cơ cấu thành viên và sơ yếu lý lịch

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
Lê Chí Dũng	Trưởng Ban
Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bửu Nguyễn Vinh Nguyễn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/05/2018)



Ông Lê Chí Dũng
Trưởng ban kiểm soát

Năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Số cổ phần nắm giữ tại 30/08/2018: 21.450 cổ phần - tỷ lệ 0.024 % vốn điều lệ

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

- Tất cả các cuộc họp HĐQT Tổng Công ty, Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và tại cuộc họp, Ban Kiểm soát có điều kiện trao đổi những ý kiến riêng về các công việc HĐQT bàn và triển khai. Những nhận xét của Ban Kiểm soát đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, giúp cho Tổng Công ty lượng hóa và tránh rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD.

- Đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý trong Tổng Công ty, Ban Kiểm soát cũng được tham gia các buổi họp giao ban tuần và các cuộc họp bàn về hoạt động SXKD của Công ty mẹ và tổ hợp VNECO. Ban Kiểm soát đã có điều kiện để tham gia các ý kiến trên phương diện quản lý, với mục đích các hoạt động kinh doanh Tổng Công ty luôn phù hợp luật quy định và tôn trọng lợi ích cổ đông, thông qua việc điều hành từ Ban lãnh đạo đến các phòng, ban nghiệp vụ Tổng Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng sẵn sàng cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đảm bảo quy trình quản trị Tổng Công ty và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Năm 2018, Ban Kiểm soát cùng tham gia Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty, xem xét đánh giá các hoạt động Sản xuất kinh doanh của các Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp nhằm đánh giá các hoạt động, công tác quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Lê Chí Dũng	Trưởng ban	25/05/2015	4/4	100%	
2	Lê Minh Tuấn	Thành viên	25/05/2015	4/4	100%	
3	Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyễn	Thành viên	30/05/2018	3/4	75%	Bổ nhiệm ngày 30/05/2018

GAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000		
Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000		
Ban kiểm soát				
Lê Chí Dũng	Trưởng BKS	269.467.000	7.380.000	
Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS	36.000.000		
Bửu Nguyễn Vinh Nguyên	Thành viên BKS	21.000.000		
Ban điều hành				
Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc		935.795.832	
Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc		582.590.636	
Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc		578.929.221	
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc		578.281.965	
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc		578.248.274	
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc		522.772.877	
Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc		587.281.965	
Trần Quang Cần	Kế toán trưởng		520.976.485	

Giao dịch cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại thương VN	Ông Lê Mạnh Hùng Thành viên HĐQT VNECO Giám đốc VCBS	11.450.710	12,66	10	0	DO bán 1.140.000 CP VNE
2	PYN ELITE FUND (NON - UCITS)	Cổ đông lớn	7.625.706	8,43	7149.706	7,91	DO bán 476.000 CP VNE

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO và đây là những phát sinh thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-VNECO ngày 31/7/2017 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam luôn tuân thủ và thực hiện đúng Pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty

Vấn đề khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000 triệu đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000 triệu đồng (bao gồm 310.000 triệu đồng tiền gốc và 90.000 triệu đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000 triệu đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000 triệu đồng trong 400.000 triệu đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000 triệu đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 10/12/2018, Tòa án Nhân dân tối cao đã tiếp nhận Hồ sơ khiếu nại của Tổng Công ty và xem xét kháng nghị Giám đốc thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ngày 27/12/2018 Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

PHẦN 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 44

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Ngô Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên
Ông Trần Quang Cần	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Bửu Nguyễn Vĩnh Nguyên	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 30/05/2018

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 45/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019, từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 10 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 06/12/2018 Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, tiếp đó ngày 27/12/2018 Tổng Công ty đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30/03/2018.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Trần Thị Như Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2293-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
– Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		739.418.982.620	832.372.056.570
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	125.956.918.242	58.161.001.729
1. Tiền	111		119.209.263.103	53.657.298.951
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.747.655.139	4.503.702.778
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.200.842.800	161.201.324.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	4.2	(2.169.052)	(1.687.452)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.3	1.200.000.000	161.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		435.490.173.733	519.141.655.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	196.370.792.219	227.118.765.306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	140.982.087.365	117.956.610.465
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	249.183.050.878	296.130.391.420
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(151.145.756.729)	(122.064.111.398)
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	122.850.553.532	71.319.507.180
1. Hàng tồn kho	141		122.928.445.208	71.407.127.318
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.891.676)	(87.620.138)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.920.494.313	22.548.567.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	138.302.800	934.569.607
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.335.924.375	21.613.713.277
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.17	2.446.267.138	284.584
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		765.703.381.443	726.156.556.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	372.167.609	372.167.609
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.7	(372.167.609)	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		89.132.516.956	164.343.152.290
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	68.387.823.707	145.496.229.906
Nguyên giá	222		163.366.504.340	276.761.321.442
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.978.680.633)	(131.265.091.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	20.744.693.249	18.846.922.384
Nguyên giá	228		23.405.043.848	21.338.560.948
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.660.350.599)	(2.491.638.564)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.12	190.366.247.375	-
- Nguyên giá	231		190.366.247.375	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		441.506.880.543	490.130.498.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.13	188.246.971.519	226.736.626.972
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.14	253.259.909.024	263.393.871.186
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		38.076.507.783	54.447.651.313
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.15	5.995.140.268	15.891.751.568
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.15	33.204.010.541	39.933.544.320
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.15	(1.172.643.026)	(1.377.644.575)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.3	50.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.621.228.786	17.235.254.963
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	6.621.228.786	17.235.254.963
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.505.122.364.063	1.558.528.613.294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		532.039.630.153	621.660.782.199
I. Nợ ngắn hạn	310		530.200.908.117	605.654.979.258
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.16	38.209.924.856	95.431.005.334
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.17	252.640.426.427	193.275.156.134
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.18	1.782.020.877	5.886.559.148
4. Phải trả người lao động	314		12.170.694.215	16.379.157.164
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.19	44.187.618.987	46.603.527.520
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	13.736.349.150	47.366.554.593
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.23	159.482.683.986	192.231.802.638
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.21	1.953.401.158	3.357.190.772
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.037.788.461	5.124.025.955
II. Nợ dài hạn	330		1.838.722.036	16.005.802.941
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.23	127.044.037	3.002.079.940
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	4.22	1.711.677.999	13.003.723.001
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		973.082.733.910	936.867.831.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.24	973.082.733.910	936.867.831.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(88.867.037.290)	(90.473.576.286)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.746.426.087	16.680.299.459
6. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	420		133.473.023	112.199.003
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		104.990.615.770	67.738.575.547
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		61.529.928.955	45.212.576.928
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.460.686.815	22.525.998.619
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26.127.381.247	28.858.458.299
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.505.122.364.063	1.558.528.613.294



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	741.772.008.919	908.832.575.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		741.772.008.919	908.832.575.760
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	690.401.163.346	697.314.553.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.370.845.573	211.518.022.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	181.333.746.685	14.466.466.554
7. Chi phí tài chính	22	5.4	21.043.357.579	14.111.590.274
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>18.407.272.192</i>	<i>14.338.480.117</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	4.15	(9.896.367.064)	862.981.410
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	32.844.175.024	2.380.887.731
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	77.177.253.529	115.709.609.329
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.743.439.062	94.645.383.254
12. Thu nhập khác	31	5.7	4.685.211.033	12.376.552.269
13. Chi phí khác	32	5.8	20.824.110.824	9.359.073.850
14. Lợi nhuận khác	40		(16.138.899.791)	3.017.478.419
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.604.539.271	97.662.861.673
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	3.871.538.955	32.289.716.878
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.292.045.003)	(443.925.189)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		83.025.045.319	65.817.069.984
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		84.427.703.315	63.493.015.119
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.402.657.996)	2.324.054.865
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.24.4	1.030	677
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.24.5	1.030	677



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

[Handwritten signature]

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Võ Quang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.604.539.271	97.662.861.673
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.763.354.000	12.943.385.000
Các khoản dự phòng	03		28.485.963.102	47.773.571.637
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(1.281.538)	3.223.538
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(169.634.609.299)	(16.235.791.902)
Chi phí lãi vay	06		18.407.272.192	14.338.480.117
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(35.374.762.272)	156.485.730.063
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(164.924.797.147)	159.233.747.901
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.691.645.449)	(17.478.649.303)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.622.415.260	(103.296.705.247)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(782.804.056)	950.376.055
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	20.528.324.400
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.601.039.634)	(16.316.730.078)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.486.221.997)	(34.395.895.923)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.237.192.532)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(239.476.047.827)	165.710.197.868
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(25.234.462.156)	(22.650.315.980)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		236.167.273	6.166.231.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(309.150.000.000)	(193.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		469.000.000.000	41.364.584.970
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		277.120.245.181	7.633.342.716
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.449.622.017	9.301.280.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		426.421.572.315	(151.884.876.709)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(58.207.138.139)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	912.841.652.750	601.187.102.503
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(948.465.807.305)	(572.608.057.188)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(83.526.734.958)	(7.741.395.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(119.150.889.513)	(37.369.488.227)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		67.794.634.975	(23.544.167.068)
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		58.161.001.729	81.708.392.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.281.538	(3.223.538)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		125.956.918.242	58.161.001.729
(70 = 50+60+61)				



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trần Quang Cán
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Tổng Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101450 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 904.329.530.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	71.497.060.000	7,90	76.257.060.000	8,43
Bà La Mỹ Phương	48.429.700.000	5,36	48.429.700.000	5,36
Các cổ đông khác	699.413.570.000	77,34	694.653.570.000	76,81
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	9,40	84.989.200.000	9,4
Cộng	904.329.530.000	100	904.329.530.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

STT Tên	Địa chỉ
1. Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2. Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	28/1/10 Phan Đình Giót, Phường 2, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018 là: 128 người.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Thi nghiệm, hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; hóa mỹ phẩm; kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ; kinh doanh đồ dùng cá nhân, gia đình;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con trực tiếp:

STT Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%
5. Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%
6. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%
7. Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	174 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường 9, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	100,00%	100,00%
8. Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền	
			biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Số 13 Mai Hắc Đế, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	32,37%	32,37%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Số 51 Phạm Như Xương, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	33,34%	33,34%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	30,05%	30,05%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và đóng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tổng Công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tổng Công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tổng Công ty được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228), Thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm 2018</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, chi phí di dời. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo gồm: khoản trích bổ sung chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi căn cứ vào lãi suất được quy định trên Hợp đồng tín dụng; Chi phí công trình trích trước theo tỉ lệ chi phí của các hợp đồng đã nghiệm thu, bàn giao; các chi phí phải trả khác: được xác định dựa vào hóa đơn, chứng từ về sau.

3.14. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bao gồm chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

ngiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	677.143.491	2.352.423.594
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.532.119.612	51.304.875.357
Các khoản tương đương tiền	6.747.655.139	4.503.702.778
Cộng	125.956.918.242	58.161.001.729

4.2. Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.011.852	842.800	(2.169.052)	3.011.852	1.324.400	(1.687.452)
	3.011.852	842.800	(2.169.052)	3.011.852	1.324.400	(1.687.452)

4.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	1.200.000.000	1.200.000.000	161.200.000.000	161.200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	161.200.000.000	161.200.000.000
Dài hạn:				
Trái phiếu	50.000.000	50.000.000	-	-
Cộng	50.000.000	50.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư và XD điện Hải xuân VNECO	56.368.465.234	56.368.465.234
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	40.461.432.953	31.103.168.140
Lê Hữu Tín	-	26.787.968.683
Ban QLDA lưới điện Hà Nội	15.313.995.248	19.634.113.461
Các đối tượng khác	83.866.781.597	92.577.715.414
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 8	360.117.187	647.334.374
Cộng	196.370.792.219	227.118.765.306
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	372.167.609	372.167.609
	372.167.609	372.167.609

4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty CP Dịch vụ TM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	-	65.000.000.000
Bộ Chỉ huy Quân sự - TP. Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty Cổ phần Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	23.652.902.651	-
Các đối tượng khác	88.445.209.026	27.463.587.738
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	3.390.952.961	-
Cộng	140.982.087.365	117.956.610.465

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh nhà Tín Nghĩa	-	-	116.000.000.000	-
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thúy Vân	66.520.858.333	66.520.858.333	66.520.858.333	37.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	73.547.715.546	73.547.715.546	73.547.715.546
Tạm ứng	70.870.369.797	-	23.324.353.058	-
Phải thu tiền đến bù chi hộ	20.620.313.962	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	394.799.357	-
Lãi dự thu	28.311.415	-	3.005.833.333	-
Các khoản phải thu khác	17.595.481.825	8.789.473.395	13.336.831.793	8.789.473.395
Cộng	249.183.050.878	148.858.047.274	296.130.391.420	119.858.047.274

4.7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thúy Vân	66.520.858.333	-	Trên 3 năm	66.520.858.333	29.000.000.000	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	73.547.715.546	-	Trên 3 năm	73.547.715.546	-	Trên 3 năm
Công ty CP Dịch vụ TM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	-	-	-	181.000.000.000	181.000.000.000	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	11.449.350.459	-	Trên 3 năm	11.559.474.241	191.769.113	Trên 3 năm
Cộng	151.517.924.338	-	-	332.628.048.120	210.191.769.113	-

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.996.157.411	33.762.087	8.653.377.788	33.762.087
Công cụ, dụng cụ	168.588.571	1.878.552	417.864.882	1.878.552
Chi phí SX, KD dở dang	104.316.714.555	-	54.093.911.187	-
Thành phẩm	11.336.112.584	42.251.037	8.114.284.902	51.979.499
Hàng hóa	110.872.087	-	127.688.559	-
Cộng	122.928.445.208	77.891.676	71.407.127.318	87.620.138

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 96.982.584 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 14.736.347.261 đồng.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	87.439.233	739.865.952
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	50.863.567	194.703.655
Cộng	138.302.800	934.569.607
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	5.550.709.475	15.487.951.280
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.070.519.311	1.747.303.683
Cộng	6.621.228.786	17.235.254.963

4.10. Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	170.044.422.770	65.645.838.908	33.420.176.748	7.650.883.016	276.761.321.442
Tãng trong năm	-	1.246.251.725	893.545.636	55.909.091	2.195.706.452
Đầu tư XD/CB h/thành	18.389.113.910	3.498.405.777	-	-	21.887.519.687
Thanh lý, nhượng bán	(1.217.181.735)	-	(252.751.470)	-	(1.469.933.205)
Giảm do thanh lý					
Công ty con	(107.684.753.575)	(18.796.976.530)	(2.237.017.688)	(6.950.318.607)	(135.669.066.400)
Giảm khác	(339.043.636)	-	-	-	(339.043.636)
Tại ngày 31/12/2018	79.192.557.734	51.593.519.880	31.823.953.226	756.473.500	163.366.504.340
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	59.280.146.957	44.976.394.109	20.642.664.252	6.365.886.218	131.265.091.536
Khấu hao trong năm	5.532.493.644	3.443.737.576	2.314.963.175	134.900.824	11.426.095.219
Thanh lý, nhượng bán	(1.033.465.540)	-	(252.751.470)	-	(1.286.217.010)
Giảm do thanh lý					
Công ty con	(25.218.406.826)	(13.220.177.499)	(2.056.557.316)	(5.908.182.677)	(46.403.324.318)
Giảm khác	(22.964.794)	-	-	-	(22.964.794)
Tại ngày 31/12/2018	38.537.803.441	35.199.954.186	20.648.318.641	592.604.365	94.978.680.633
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	110.764.275.813	20.669.444.799	12.777.512.496	1.284.996.798	145.496.229.906
Tại ngày 31/12/2018	40.654.754.293	16.393.565.694	11.175.634.585	163.869.135	68.387.823.707

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.047.090.605 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 14.873.383.813 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	20.608.213.088	50.086.320	680.261.540	21.338.560.948
Tăng khác	2.257.994.440	-	-	2.257.994.440
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	(191.511.540)	(191.511.540)
Tại ngày 31/12/2018	22.866.207.528	50.086.320	488.750.000	23.405.043.848
Khấu hao:				
Tại ngày 01/01/2018	1.780.040.704	50.086.320	661.511.540	2.491.638.564
Khấu hao trong năm	356.473.575	-	3.750.000	360.223.575
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	(191.511.540)	(191.511.540)
Tại ngày 31/12/2018	2.136.514.279	50.086.320	473.750.000	2.660.350.599
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	18.828.172.384	-	18.750.000	18.846.922.384
Tại ngày 31/12/2018	20.729.693.249	-	15.000.000	20.744.693.249

- Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 508.836.320 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 18.394.597.612 đồng.

4.12. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	190.366.247.375	-	190.366.247.375
Cộng	-	190.366.247.375	-	190.366.247.375
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	190.366.247.375	-	190.366.247.375
Cộng	-	190.366.247.375	-	190.366.247.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (Tỉnh Thừa Thiên Huế)	188.246.971.519	226.736.626.972
Cộng	188.246.971.519	226.736.626.972

4.14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dự án siêu thị Green Mart - Đà Nẵng (*)	58.767.776.939	58.563.708.757
Dự án cải tạo khách sạn Xanh Đà Nẵng	-	17.669.709.342
Dự án NM điện gió Thuận Nhiên Phong 1	185.367.021.331	184.938.638.553
DA NM điện mặt trời VNECO Hòa Thăng-Bình Thuận	452.749.237	-
Dự án NM điện mặt trời VNECO Vĩnh Long	6.657.437.954	-
Các dự án khác	2.014.923.563	2.221.814.534
Cộng	253.259.909.024	263.393.871.186

(*) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	5.854.100.000	5.995.140.268	5.854.100.000	6.265.043.490
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	-	3.000.000.000	5.079.976.751
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	9.560.000.000	-	9.560.000.000	4.546.731.327
Cộng	18.414.100.000	5.995.140.268	18.414.100.000	15.891.751.568

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM (*)	1.913.808	-	5.114.023.435	(528.607.435)
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1 (*)	179.472	-	807.624	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9 (*)	916.740	-	1.617.712.740	(849.037.140)
Công ty Cổ phần Sông Ba (*)	2.381.000.521	-	2.381.000.521	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO (**)	30.820.000.000	(1.172.643.026)	30.820.000.000	-
Cộng	33.204.010.541	(1.172.643.026)	39.933.544.320	(1.377.644.575)

(*) Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

(**) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần xây lắp và Thiết bị Đại An	2.233.248.937	2.233.248.937	-	-
CN Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP. HCM	2.143.026.471	2.143.026.471	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng điện Miền Tây Cao Bằng	1.987.717.886	1.987.717.886	12.640.722.732	12.640.722.732
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện và viễn thông Hoàng Sa	4.259.499.280	4.259.499.280	1.819.850.200	1.819.850.200
Các đối tượng khác	26.176.684.883	26.176.684.883	62.925.691.212	62.925.691.212
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.409.747.399	1.409.747.399	18.044.741.190	18.044.741.190
Cộng	38.209.924.856	38.209.924.856	95.431.005.334	95.431.005.334

4.17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây dựng Huy Hoàng	82.514.635.093	41.428.636.000
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	38.264.450.018	39.967.818.817
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	44.235.763.676	1.896.771.749
Các đối tượng khác	87.625.577.640	109.981.929.568
Cộng	252.640.426.427	193.275.156.134

4.18. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Ảnh hưởng do tỷ công ty con	Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND			VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp		Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.381.828.083	(247.223.398)	89.102.964.496	90.862.298.697	-	3.388.385.682
Thuế TTĐB	-	-	(13.917.620)	-	-	-	13.917.620
Thuế TNDN	2.446.267.138	170.283.221	-	3.871.538.955	7.486.221.997	284.584	1.338.983.709
Thuế TNCN	-	229.909.573	(27.115.500)	4.047.136.941	4.035.720.512	-	245.608.644
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(850.157.932)	613.224.385	813.224.385	-	850.157.932
Thuế khác	-	-	-	993.003.291	1.042.508.852	-	49.505.561
Cộng	2.446.267.138	1.782.020.877	(1.138.414.450)	98.827.868.068	104.239.974.443	284.584	5.886.559.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lãi vay phải trả	174.061.171	367.828.613
Trích trước chi phí công trình	40.856.388.919	43.172.578.163
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	983.732.801	889.684.648
Cộng	44.187.618.987	46.603.527.520

4.20. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	747.741.197	755.129.962
Bảo hiểm xã hội	596.544.419	617.028.733
Cổ tức phải trả	1.000.034.275	41.875.575.333
Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế	7.998.766.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.393.263.259	4.118.820.565
Cộng	13.736.349.150	47.366.554.593

4.21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.953.401.158	3.357.190.772
Cộng	1.953.401.158	3.357.190.772

4.22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.060.283.674	14.081.817.914
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.348.605.675)	(1.078.094.913)
Cộng	1.711.677.999	13.003.723.001

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Vay và nợ thuê tài chính
4.23.1. Ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (i)	109.786.354.524	109.786.354.524	685.897.052.424	708.391.127.975	132.280.430.075	132.280.430.075
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (v)	16.574.648.000	16.574.648.000	30.224.648.000	27.850.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nghệ An	-	-	2.644.923.799	2.644.923.799	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (ii)	899.574.267	899.574.267	74.860.121.021	85.325.240.969	11.364.694.215	11.364.694.215
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (iii)	8.571.285.333	8.571.285.333	38.571.860.152	35.417.819.660	5.417.244.741	5.417.244.741
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP. Vinh (iv)	4.306.344.819	4.306.344.819	25.214.296.907	27.662.359.352	6.754.407.264	6.754.407.264
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình (vii)	13.071.847.198	13.071.847.198	43.630.818.253	50.007.045.520	19.448.074.465	19.448.074.465
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đắk Lắk (vi)	-	-	2.730.000.000	2.730.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3.282.629.845	3.282.629.845	4.699.895.282	1.417.265.437	-	-
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	-	1.191.878	1.191.878	1.191.878
- Vay các đối tượng khác	2.650.000.000	2.650.000.000	4.220.236.875	2.620.236.875	1.050.000.000	1.050.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả:						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	568.820.000	1.384.580.000	815.760.000	815.760.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	340.000.000	340.000.000	340.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	159.482.683.986	159.482.683.986	913.602.672.713	946.351.791.365	192.231.802.638	192.231.802.638

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng:

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 26/2018/242753/HĐTD ngày 31 tháng 10 năm 2018:

- Hạn mức tín dụng: 650.000.000.000 đồng;

- Thời hạn cho vay: Đến ngày 31/07/2019;

- Lãi suất vay: Được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng:

- (*) Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 25/2018/VCB-KHDN ngày 12 tháng 03 năm 2018:
 - Hạn mức tín dụng: 77.500.000.000 đồng;
 - Thời hạn giải ngân: Đến ngày 31/10/2019;
 - Thời hạn cho vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ;
 - Lãi suất vay: Theo thông báo của bên vay từng thời kỳ, được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn và được có định trong suốt thời gian vay vốn;
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí thi công các công trình điện;
 - Bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng cầm cố được xác lập giữa ngân hàng và khách hàng hoặc bên thứ ba mà trong đó quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được đảm bảo theo hợp đồng này.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng:

- (*) Hợp đồng tín dụng số 04/2016-HĐTD/NHCT448-VNECO ngày 29 tháng 01 năm 2016:
 - Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cho vay: 9 tháng theo từng giấy nhận nợ;
 - Lãi suất vay: Được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9.5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Sau đó lãi suất cho vay được xác định và điều chỉnh 1 tháng/ 1 lần;
 - Mục đích vay: Thanh toán cho công trình thi công đường dây điện gói thầu số 5;
 - Bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20/01/2016.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Vinh theo hợp đồng:

- (*) Hợp đồng cho vay từng lần số 04/2018-HĐCVTL/NHCT442-VNECO3 của Ngân hàng Công thương Việt Nam ngày 11/07/2018: Mục đích vay: Thanh toán bổ sung chi phí thi công xây dựng lắp đặt Gói thầu số 4: Cung cấp VTTB, xây lắp đường dây và TBA 110kV thuộc dự án: Treo dây mạch 2 đường dây 110kV Quỳnh Lưu – Diễn Châu – Cửa Lò – Hưng Đông; Lãi suất vay: Theo từng lần nhận nợ; Thời hạn vay: 6 tháng; Hạn mức: 2.000.000.000 VNĐ; Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp động sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2018/HĐBĐ/NHCT442 ngày 19/06/2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(**) Hợp đồng cho vay từng lần số 05/2018-HĐCVTL/NHCT442-VNECO3 của Ngân hàng Công thương Việt Nam ngày 24/12/2018; Mục đích vay: Thanh toán chi phí thi công Gói thầu số 09: Xây lắp (bao gồm xây lắp các trạm lắp quang), gồm Lô 9.5: Cung đoạn từ vị trí 35-02 đến vị trí 38-11; Lô 9.9: Cung đoạn từ vị trí 61-02 đến vị trí 69-16 và Lô 9.10: Cung đoạn từ vị trí 80-01 thuộc dự án đường dây 500kV Quảng Trạch – Dốc Sỏi; Lãi suất vay: Theo từng lần nhận nợ; Thời hạn vay: 6 tháng; Hạn mức: 4.000.000.000 VND; Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp động sản số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017, Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ngày 16/05/2017.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo 26 Hợp đồng tín dụng hạn mức từng lần số 01 - 26/2018/17952/HĐTD, thời hạn các khoản vay từ 05 đến 08 tháng, lãi suất cố định 9%/năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng;

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số 21.06/2018/HĐTD ngày 21/06/2018 với hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/06/2018; lãi suất cho vay được quy định tại các Giấy nhận nợ và thế chấp bằng Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung theo Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số 0808/2018/BĐ ngày 08/08/2018.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng vay số 801003081917/2018-HĐCVHM/NHCT470-VNECO12 ngày 05 tháng 06 năm 2018, Hạn mức vay 25.000.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm tài sản cố định và toàn bộ các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, các vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay tại mọi thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24. Vốn chủ sở hữu

4.24.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn có phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Có phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND			
Số dư tại ngày 01/01/2017	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(32.265.438.147)	16.421.895.249	64.686.461	48.779.633.005	31.010.575.851			977.962.227.512
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	63.493.015.119	2.324.054.865			65.817.069.984
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	258.404.210	47.512.522	(305.916.732)	-			-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.967.016.500)	(4.258.056.876)			(45.225.073.376)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.261.139.345)	(218.115.541)			(3.479.254.886)
Mua có phiếu quỹ	-	-	-	(58.207.138.139)	-	-	-	-			(58.207.138.139)
Số dư tại ngày 01/01/2018	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(90.473.576.286)	16.680.299.459	112.199.003	67.738.575.547	28.558.458.299			936.807.831.095
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	84.427.703.315	(1.402.557.996)			83.025.045.319
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	66.126.628	-	(66.126.628)	-			-
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.967.016.500)	(1.684.177.400)			(42.651.193.900)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.903.097.211)	(247.613.592)			(4.150.710.803)
Trích quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	21.274.020	(21.274.020)	-			-
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(2.233.532.251)	777.132.251			(1.456.400.000)
Tăng/giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	1.606.538.995	-	-	-	(158.132.560)			1.448.406.436
Ảnh hưởng năm trước	-	-	-	-	-	-	15.383.518	(15.627.755)			(244.236)
Tại ngày 31/12/2018	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.746.426.087	133.473.023	104.990.615.770	26.127.381.247			973.082.733.910

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24 NQ/NECO-HĐQT ngày 10/08/2018 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 5%/mệnh giá, tương đương 500 đồng/cổ phần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	71.497.060.000	76.257.060.000
Bà La Mỹ Phượng	48.429.700.000	48.429.700.000
Các cổ đông khác	699.413.570.000	694.653.570.000
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	904.329.530.000	904.329.530.000

4.24.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

4.24.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	84.427.703.315	63.493.015.119
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.903.097.211
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông	84.427.703.315	59.589.917.908
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	81.934.033	88.076.664
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.030	677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	84.427.703.315	63.493.015.119
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.903.097.211
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	84.427.703.315	59.589.917.908
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	81.934.033	88.076.664
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.030	677

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được tính chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty chưa quy định tỷ lệ trích quỹ.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được điều chỉnh trừ quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.373.289.890	37.920.396.426
Doanh thu bán hàng	28.324.321.924	40.630.294.486
Doanh thu kinh doanh bất động sản	152.046.762.171	259.246.777.461
Doanh thu hợp đồng xây dựng	543.689.392.794	570.581.559.141
Doanh thu khác	338.242.140	453.548.246
Cộng	741.772.008.919	908.832.575.760

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.058.615.231	39.560.459.157
Giá vốn bán hàng	23.517.145.528	32.086.062.077
Giá vốn kinh doanh bất động sản	135.885.341.569	108.572.180.604
Giá vốn hợp đồng xây dựng	510.607.579.698	515.866.836.391
Giá vốn khác	332.481.320	1.229.014.907
Cộng	690.401.163.346	697.314.553.136

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.655.061.099	8.651.706.391
Cổ tức, lợi nhuận được chia	817.039.000	2.407.656.372
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	169.860.365.048	3.406.179.375
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	1.281.538	474.416
Doanh thu tài chính khác	-	450.000
Cộng	181.333.746.685	14.466.466.554

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	18.407.272.192	14.338.480.117
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn	1.877.906.303	-
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	1.222.545.426	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(465.742.379)	(248.728.075)
Chi phí tài chính khác	1.376.037	21.838.232
Cộng	21.043.357.579	14.111.590.274

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí quảng cáo, môi giới	31.760.681.818	-
Các khoản khác	1.083.493.205	2.380.887.731
Cộng	32.844.175.024	2.380.887.731

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	27.300.410.675	39.980.729.379
Chi phí dự phòng	29.000.000.000	50.512.267.823
Các khoản khác	20.876.842.854	25.216.612.127
Cộng	77.177.253.529	115.709.609.329

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập thanh lý tài sản	116.667.273	1.770.249.764
Chênh lệch định giá tài sản góp vốn	-	6.060.188.313
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	489.554.196	244.653.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	298.467.001	1.307.317.022
Thu nhập bảo hiểm bồi thường	1.274.008.383	-
Các khoản khác	2.506.514.180	2.994.144.170
Cộng	4.685.211.033	12.376.552.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí công trình không quyết toán	563.729.000	1.673.241.274
Các khoản thuế bị truy thu, phạt chậm nộp (tại các công ty con)	118.635.059	77.267.206
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm	15.335.276	6.109.634
Chi phí phạt chậm nộp do chậm kê khai thuế cho nhà thầu nước ngoài	-	12.113.848
Phạt vi phạm hợp đồng	-	5.491.920.925
Chi phí thuế GTGT phần hạ tầng dự án KĐT Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế chưa kê khai	17.998.766.000	-
Chi phí thiệt hại do thiên tai	1.397.309.162	-
Các khoản khác	730.336.327	2.098.420.963
Cộng	20.824.110.824	9.359.073.850

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.413.256.376	203.463.413.636
Chi phí nhân công	80.204.638.939	94.162.976.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.763.354.000	12.943.385.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	421.948.968.359	469.644.592.731
Chi phí khác bằng tiền	28.441.006.506	50.320.855.530
Cộng	785.771.224.180	830.535.223.064

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.819.396.487	32.289.716.878
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	52.142.468	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.871.538.955	32.289.716.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	912.841.652.750	601.187.102.503
Cộng	912.841.652.750	601.187.102.503

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	948.465.807.305	572.608.057.188
Cộng	948.465.807.305	572.608.057.188

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động xây lắp, hoạt động bất động sản, hoạt động kinh doanh khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	543.689.392.794	152.046.762.171	46.035.853.954	741.772.008.919
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	510.607.579.698	135.885.341.569	43.908.242.079	690.401.163.346
Giá vốn của bộ phận	33.081.813.096	16.161.420.602	2.127.611.875	51.370.845.573
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2018	514.424.963.504	201.719.541.881	29.300.758.767	745.445.264.152
Tài sản không phân bổ				759.677.099.911
Tổng tài sản				1.505.122.364.063
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2018	216.207.331.863	162.490.367.621	33.720.150.237	412.417.849.721
Nợ phải trả không phân bổ				119.621.780.432
Tổng nợ phải trả				532.039.630.153

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bất động sản VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	570.581.559.141	259.246.777.461	79.004.239.158	908.832.575.760
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	515.866.836.391	108.572.180.604	72.875.536.141	697.314.553.136
Giá vốn của bộ phận	54.714.722.750	150.674.596.857	6.128.703.017	211.518.022.624
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
Tài sản bộ phận tại ngày 01/01/2018	388.001.012.210	746.199.072.037	11.196.517.057	1.145.396.601.304
Tài sản không phân bổ				413.132.011.990
Tổng tài sản				1.558.528.613.294
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 01/01/2018	77.431.696.502	119.441.303.977	150.515.893.933	347.388.894.412
Nợ phải trả không phân bổ				274.271.887.787
Tổng nợ phải trả				621.660.782.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	360.117.187	647.334.374
Cộng - Xem thêm mục 4.4	360.117.187	647.334.374

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.221.461.348	
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	2.169.491.613	-
Cộng - Xem thêm mục 4.5	3.390.952.961	-

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	152.067.369	10.047.566.895
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	1.257.680.032	1.140.713.433
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	-	6.856.460.862
Cộng - Xem thêm mục 4.16	1.409.747.401	18.044.741.190

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua khối lượng xây lắp, vật tư:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	10.023.685.024	11.526.557.078
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	6.105.045.465
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	32.946.850.498	54.903.407.672
Cộng	42.970.535.522	72.535.010.215

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Cổ tức được chia:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	339.537.500	1.154.427.500
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	240.000.000	360.000.000
Cộng	<u>579.537.500</u>	<u>1.514.427.500</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Thù lao HĐQT	456.000.000	958.684.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	4.381.900.771	3.358.965.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Tiền lương và chi phí hoạt động	358.847.000	331.562.857

10. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Có ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2018, Tổng Công ty đã gửi đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm lên Tòa án Nhân dân tối cao và Viện kiểm sát Nhân dân tối cao. Ngày 27/12/2018, Tổng Công ty cũng đã gửi đơn kêu cứu lên Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả cuối cùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. CAM KẾT GÓP VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Công ty (%)	Số vốn của Công ty đã góp đến ngày 31/12/2018 VND	Số vốn Công ty còn phải góp tại ngày 31/12/2018 VND
Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	200.000.000.000	100	20.000.000.000	180.000.000.000
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời VNECO - Vĩnh Long	100.000.000.000	100	25.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	100.000.000.000	100	-	100.000.000.000
Cộng	402.000.000.000		47.000.000.000	355.000.000.000

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trần Quang Cần
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ban hành 02 báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính Tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh miền Trung, đã được công bố trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Tổng Công ty theo địa chỉ:

http://vneco.com.vn/investors/AnnualReport/2018/Kiemtoan/VNE_BCTC_TongHap_Nam%202018_KIT_signed.pdf





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



Đà Nẵng, ngày 18 tháng 4 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN ĐỨC HỒNG



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 2361 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

telephone: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 236 356 2367

Website: www.vneco.com.vn